

Thời An đế Vĩnh sơ nguyên niên (năm 107 tây lịch) bọn rợ sống dọc theo biên giới Cửu Chân, xâm chiếm đất đai trên 1.800 dặm.

Diên Quang năm thứ III (năm 124 tây lịch) ngoài ranh giới Nhật Nam đều dưới quyền cai trị bọn rợ. Thuận đế Vĩnh Hòa năm thứ II (năm 137 tây lịch) hai miền Nhật Nam, Tượng Lâm; đều bị trên vài ngàn bọn rợ xâm chiếm cướp phá huyện Tượng Lâm. Quan Thứ sử Phần Diễn 樊演 đất Giao Chỉ kéo quân đánh thất bại; rợ quân ngày càng vây hãm.

Minh niên (năm 138 tây lịch) triều đình hạ lệnh các châu; Kinh, Dương, Dự... cử đại quân tiếp viện do tướng Lý Cổ chỉ huy không kết quả. Bèn dùng thuật chính trị cử tướng Nhân Huệ 仁惠 giữ chức Thứ sử Thái thú, bãi bỏ các chức quan tham ô bất tài địa phương. Triều đình cử Chúc Lương 祝良 giữ chức Thái thú đất Cửu Chân, Trương Kiều 張喬 giữ chức Chế sử đất Giao Chỉ. Chúc Lương mang lại nhiều kết quả trong chính sách cai trị.

Thời Thuận đế mạt niên đến Hoàn đế hậu kỳ (năm 160 tây lịch) hai quan Thứ sử miền Cửu Giang, Hạ Phương đất Giao Chỉ đều được dân tình cảm phục tài đức.

MAI CHUỜNG ĐỨC dịch

(Còn tiếp)



BẮC HÀNH TÙNG KÍ

北 行 叢 記

▼ HOÀNG XUÂN HÂN

(tiếp theo S. Đ. số 13)

Ở NGỤC BẮC SỞ.

Ngày 23 (tháng 3 năm Canh-tuất 1790), đến bộ Hình.

[Phụ-chú: Tuy Quính không nói rõ, nhưng đoạn sau khiến ta biết rằng bọn Quính bị giải vào nhà ngục Bắc-sở ở bộ Hình, tạm nhốt ở đó làm hai nhóm, trong khi những người tòng-vong khác được chia nhau ở hai An-nam-doanh. Trịnh Hiến còn để lại bài thơ bát cú đề *Đến ngục Bắc-sở tại bộ Hình, cảm tác*. Ý thơ có « Xưa nay há cưỡng đổi mệnh trời. Mình làm sao cho người sau không thẹn bởi mình.. Từ khi có sống thì ai mà không chết; chết mà được như nguyện thì sao có oán ». Tiếc rằng tập thơ của Trịnh Hiến đến bài này là hết].

Tháng 5, quan đề-thăm (xử án) tới nơi hiệu quân *Lôi-thần-miếu*, các vị trung-đường (quan coi chính-sự) bảo rằng: « Nếu cắt tóc cải trang, thì sẽ cho nhập hiệu cờ (có tám hiệu cờ là thân-binh của triều Thanh) Chúa các anh đã được ban hàm quan tam-phẩm. Rồi cũng sẽ cho các anh hàm ngũ phẩm hoặc lục phẩm. Các anh có bằng lòng không? »

Bọn Quính trả lời rằng: « Vua và cha mẹ tuy khác, nhưng trung và hiếu không thể trọn vẹn cả hai. Lúc còn làm con, thì đòi hiếu làm trung, kháng-khái phò cái chí lớn như núi Côn-lôn. Khi thế đã không làm gì được, thì mất trung nhưng còn hiếu. Ân-cần trèo lên núi Hộ núi Dĩ mà ngóng trông (cha mẹ). Tiến không thể làm vẹn trung, thì xin thoái mà lo sự hiếu.

Bọn Quính thì cả bốn người mẹ già còn sống. Trịnh Hiến, Lê Trị chưa có con trai gái. Lí Bình-Đạo và Quính đều không anh em.

«Nay được Thiên triều đã dạy lấy trung nghĩa để trị thiên-hạ. Nếu may mà thương đến (chúng tôi), thả cho về cày ruộng, thì ví bằng Nguyễn Huệ không dung, (chúng tôi) cũng không được oán hối. Nếu bọn Quính chỉ mưu tiện lợi cho mình mà lưu lại đây, thì trung hiếu đều hỏng, lòng tựa chim muông. Thiên-triều sao lại dùng (giống ấy), mà còn theo dõi bao quan cấp lộc cho sao? Vả hàm quan chỉ cho kẻ hiền, chức vị chỉ cho kẻ giỏi; trước đề đền công, lộc đề khuyến trung. Bọn Quính đã không che-chở nỗi cho chủ trong cơn nạn, thì không những không hiền, không giỏi, mà còn không công, không trung. Vậy trước lộc không dám mong, cũng không phải là sở-nguyên.»

(Các quan) lại bảo rằng: «Chúa các anh ở đây, mà các anh không theo, thế thì trung được sao?»

(Bọn Quính) dựa theo ý cũ trả lời rằng: «Hãy xem chim sẻ con, nó còn biết cần-thận trong sự theo. Theo Tống Cao là trung chẳng? Theo Huy, Khâm là trung chẳng? Bởi thế, (chúng tôi) không thể cố vịn vào (gương) chúa cũ mà phải theo đề làm mờ cái nghĩa thờ vua. Xét chim kia là giống ở gò mà biết nên dừng đậu tại chỗ nào, thì kẻ làm tôi con phải dừng lại ở đạo trung hiếu. Vậy không thể mượn cớ rằng chỗ vua ở là chốn phải đậu, để mưu riêng lợi cho mình. Như thế thì sự trung với sự bất-trung, (chúng tôi) không dám bàn nhiều. Chỉ mong nhờ quan lớn xét cho công-bằng.»

[Phụ-chú: Trong văn của Quính, thường dùng điển-tích. Như trong một bài trên, đã dùng điển Tử-phòng, điển Bao-Tư. Tử-phòng tức là Trương Lương tôi vua nước Hàn bị Tần diệt, bèn sang làm tham mưu cho Lưu Bang (Hán) đánh Tần để báo thù cho nước Bao-Tư họ Thân, làm quan nước Sở đời Xuân-thu. Ngô đánh đuổi vua Sở. Bao-Tư sang Tần xin quân cứu viện. Tần không cho. Bao-Tư đứng ở sân mà khóc trong bảy ngày không dừng. Tần bèn giúp.

Trong bài này lại dùng mấy điển cần phải hiểu mới rõ ý câu văn. *Chim sẻ con* là điển *hoàng khâu tước*. Sách *Thuyết-uyên* chép: « Không-tử thấy người đánh lưới chim chỉ bắt được chim sẻ con, hỏi duyên cớ. Người kia trả lời rằng: những con sẻ con theo sẻ lớn thì đánh không được. Nhưng sẻ lớn theo sẻ con thì đánh được. »

Điển *Tống Cao* và *Huy Khâm* là chuyện các vua Tống vào lúc quân Kim đánh Biện kinh của Tống. Bấy giờ vua Huy-tông suy nhược đã nhường ngôi cho con là vua Khâm-tông Quân Tống tan. Huy-tông và Khâm-tông hàng, rồi bị đem về ở đất Kim và nhận tước nhỏ. Còn hoàng-thần Túc-vương thì đem quân lánh xuống miền nam rồi nối ngôi Tống, tức là Cao-tông.

Ta phải nhận rằng văn của Quính thường khá lắt-léo nặng nề, và điển-cổ nhiều nơi cũng không thích-đáng lắm.

Điển *chim kia biết chỗ dừng đậu* là chuyện chim nước Việt (chim trĩ của Việt-thường?) ở phương Bắc vẫn làm tổ ở cánh hướng nam. Trong những đoạn sau, lại bay dùng điển *cáo chết quay đầu về hang*. Đó là hai điển ngụ ý giống vật còn nhớ đất tổ.]

Tối đến, thấy chúa cũ, vua Lê, tới. Các quan lớn (Thanh) lấy lời khéo dỗ vua Lê bảo (bọn Quính) cắt tóc. Bọn Quính khóc, lạy mà nói rằng: « Bọn Quính sống làm tôi nhà Lê, chết làm ma nhà Lê. Ngoài ra thì không phải sở nguyện. »

Lại được các quan lớn dạy rằng: « Mệnh chúa anh, anh cũng không theo. Ấy há là đạo của kẻ làm tôi sao? »

Quính trả lời rằng: « Bần-phận kẻ làm tôi thờ vua vốn phải theo mệnh, nhưng cũng phải *theo lẽ* buộc *đừng theo*. Nếu có thể nhờ vậy mà không nhục mệnh vua, thì ấy cũng là theo mệnh vua đó. Nay, cái mệnh bảo cắt tóc, ở miệng thì là mệnh, nhưng trong tâm thì không phải là mệnh. Bọn Quính nguyện theo cái mệnh trong tâm chúa mình, kéo chúa cũng bất-đắc-dĩ mới làm sự (các ngài) yêu-cầu đó mà thôi. »

Rồi (bọn Quính) lại bị giao cho Bắc-sở thuộc bộ Hình

nghiêm giám; chia ra mỗi nơi hai người, cấm không được qua lại với nhau.

Tháng 6, lại thấy các bầy tôi hộ-tùng chúa cũ, *Đinh Nhã-Hành*, *Phạm Như-Tùng*, *Nguyễn Quốc-Đổng* đến trong ngục hỏi thăm. *Đinh Nhã-Hành* nói với *Quính* rằng: « Nay vâng mệnh quan lớn (có lẽ muốn nói *Hòa Thân*?) bảo các ông cạo đầu. Nhưng mà chúng tôi xưa từng đọc sách thánh hiền. Đã học được sự gì mà (nay) khứng đưa lời *Vệ Luật* (ra cạo dốt), để chịu lời mắng của *Tử-khanh* sao? Đây bắt quá đáp lời đòi kín của *Bá Nhan* mà viết câu « *chỉ lấy lòng son* » để bảo nhau thôi. Vả thừa nhíp thuận-tiện mà tới thăm nhau mà thôi. »

Quính bèn đáp lại rằng: « Các ông và bọn tôi, đường lối khác, nhưng lòng thì đồng. Ông lớn *Đinh* là quan to giữ nước, từng ra sức trong trăm trận, rồi đã đem gia-thuộc cưỡi biên ra ngoài. *Hầu Nguyễn*, *hầu Phạm* là quan lớn thị-vệ, một khi thành mất, đã cầm tay xe (vua) mà theo lánh. Các ông đều không lỗi đạo làm tôi. Còn như tôi đây, chịu mệnh (phò vua) trong cơn nghiêng-ngửa lưu-li, chưa hề bày tỏ một muru kể gì; lại bị bệnh kịch-liệt nên phải về nhà (nghỉ). Đã chẳng không thể tòng vong, lại không hay chết vì phận-sự. Rồi đến lúc tỉnh bệnh, (uy) có xoang tay mà kêu gọi lớn, (nhưng) cũng khó hiệu-triệu được lòng người đã tan; khóc ra huyết trong bảy ngày, cũng khó kéo lại ý trời không hay tốt. *Bất-đắc-dĩ* giữ tóc để tỏ tấm lòng trung. Tuy khổ cho tiết đã không giữ được trinh, nhưng cam vì lòng không mang điều hối. Nếu ai cũng như tôi, thì ai kẻ hầu vua? Nếu ai cũng như các ông, thì ai giữ tiết? »

« *Cánh-ngộ* tuy khác, lập-trường đều phải. Nếu muốn (cùng nhau) tìm chết, thì (đôi bên) tội bằng nhau mà thôi. Tuy nhiên, (các ông nên cố giữ thân mình là hay. Ngày sau, đưa xe vua *Tấn Văn* trở về nước, vị-ất không phải là công của bầy tôi là *Hồ Yên* và *Triệu Suy*! Còn như bọn ngu chúng tôi, trên không làm được như *Bao Tư*, dưới không làm được như *Tử-phòng*. Gặp mặt các ông, đã lấy làm thẹn. Cho nên phải vững cầm một tiết, dính (dầu) vạc (mỡ) không thể làm sợ, nghiên thầy xé xác không thể

dời lòng, để may gì tỏ được chí mình. Cái câu cuối cùng tặng Đình-linh (trở câu *chỉ lấy lòng son* trên kia), dăm đầu ứng lại. Còn như cái dụng tâm của chúng tôi, ngài sao phải phiền. Trọng trách của các ông, tôi không thể chia. Mong *Di*, mong *Lại*, tự có kinh quyền. Ai *Vệ*, ai *Tô*, thôi đừng chia rẽ. Chỉ nên' nhàn với cảnh quen, gìn giữ lòng xưa. Chớ đời lòng cung-kính của kẻ đứng hầu bên đồng phân; càng dè cái kẻ dùng bã rượu như chó dữ.»

« Bọn ngu này rất trông mong vào đó. Nếu không thế, thì bọn ngu này sẽ thân vùi trong rạch nước, mà các ông cũng không khỏi làm người lưu-lạc ở tha-hương Xin gắng trở về đem lời kẻ ngu này tâu lại, để chúa ta yên lòng, thôi không lo nghĩ đến đũa bầy tôi bất-trí này, đến nỗi phiền cho lòng thánh-chúa.»

Bọn Đình Nhã-Hành bèn đi về.

[Phụ chú : Ba tùy-thần vua Lê tới thăm bọn Quính là những người cao-cấp nhất. Đình Nhã-Hành, người xã Hàm-giang huyện Cẩm-giang, con thái-bảo Đình Văn-Phục, thuộc họ Đình Văn-Tả (phương-ngôn có *Đánh giặc họ Đình, làm quan họ Đặng*), thi võ đậu tam-trường, đời Chiêu-thống làm Trấn-thủ (Sơn-nam?) Sau khi bị Vũ Văn-Nhậm đánh bại, có lẽ Nhã-Hành rút về vùng Hải-dương. Đến khi Chiêu-thống chạy theo quân Thanh, Nhã-Hành trốn theo đường Vạn-ninh vào Khâm-châu và đến ở cùng Chiêu-thống. Chịu nghe quan Thanh bảo cắt tóc cải trang, Nhã-Hành lúc đầu được ban chức thủ-bị ở Toàn-châu (HLNTC hồi thứ 19). Sau khi lên Yên-kinh, được lĩnh chức kiêu-kị hiệu-úy, và ở cùng vua Chiêu-thống. Mất ở Yên-kinh trước khi sắp được về nước. Trước lúc chết có làm một bài thơ cảm-tác, trong ấy có : « Không nhà, thẹn đã sinh ở cửa tướng. Mang gươm giơng ruổi đến Bắc-kinh. Nước thù đã mất, hồn ta sớm lìa; Về nhà từng mộng mà quỷ đến lời đi trước. Tiếng hay dở để lại trong sử tán ; xương sẽ chôn vùi hóa tro. Nói ra không hết cái giận nghìn đời. Tóm lại là không sánh kịp với tài của người đời Tấn. »

Nguyễn Quốc-Đông, người xã Tì-bà, huyện Lang-tài (Kinh-bái), là anh vợ Chiêu-thống, bà nguyên-phi Nguyễn Thị-Kim, làm đờ-đốc

đồng-trì, cai thị-vệ. Phạm Như-Tung người xã An-lo, huyện Thu-trí (Son-nam), có đậu trường-sinh (hạch ở phủ), làm kẻ hầu Đông-cung, tức là Chiêu-thống khi Cảnh-hưng còn tại vi. Sau khi Chiêu-thống lên ngôi, được cất lên chức cao cai bộ Binh bộ Hộ, trước Cận-quang hầu Hai viên này là kẻ tay chân của Chiêu-thống.

Trong lời nói với Quính, Đnh Nhã-Hạnh đã dùng hai điển : một là : Vệ Luật tội Hán hàng Hung-nô đồ sứ Hán là Tô Vũ theo mình nên bị Vũ mắng (Vũ có tự là Tử-khanh bị giữ lại trong 19 năm); hai là : *Bá Nhan* tướng Mông-cổ bắt giữ tể-tướng Tống là *Văn Thiên-Tường* và ngô ý ép bang, Thiên-Tường làm bài thơ *Quá Linh đình giương* (qua bể Linh-đình) mà tặng. Hai vế cuối là : « Nhân sinh tự cổ thù vô tử. Lưu thủ đan tâm chiếu bân thanh » 留取丹心照汗青 trong bản viết BHTK này, chữ *lưu* đổi ra chữ *đãn*. Trong lời đáp của Quính, theo bản viết ấy thì có nói « Sở tặng Đình-linh chi mật cú » 所贈丁零之末句 mà tôi đã dịch trên *Đình-linh* có nghĩa là tên một bộ-lạc Hung-nô Đ y Quính muốn dùng tỏ tư-ý Mông-cổ và ám chỉ ông tướng họ *Đình* (Nhã-Hạnh) Nhưng có sự lạ nếu đảo hai chữ lại thì thành *Linh-đình* có trong đầu đề bài thơ kia. Có lẽ không phải ngẫu nhiên có sự tương-tự ấy Quính lại có dùng điển *Di* và *Lại*. *Di* đây là Bá Di người Ân ; nước Chu diệt nước Ân, muốn dùng Di, nhưng Di không thuận, bèn nhện dói chết. *Lại* là Phạm Lại người Sở ; Sở bị Ngô diệt, Lại chạy sang Việt, giúp Việt đánh Ngô để rửa thù.

Cuối cùng, điển « *đứng hầu bên đồng phân* » và điển « *dùng bã rượu như chó* » thì tôi chưa rõ. Như tôi đã nói, điển-cổ trong văn Quính thường tỉ-mỉ và sử dụng một cách nặng-nề.]

Tháng 11, quan của hiệu cờ Như-ông-hoàng-tinh thuộc Hậu-quân đem con Lê Quính, là *Lê Doãn-Thuyên* tới trong ngục cùng ti-quan thuộc bộ Hình đều bảo Quính rằng : « Cạo đầu thì vua tôi cha con sẽ đoàn-tụ vui-vẻ cùng nhau. Sao mà cứ một mực ngày-ngốc, không chịu theo gãn nhân-tình đến thế? »

Quính đáp rằng : « Thơ của Văn-son (Văn Thiên-Tường) có câu « Ta lo cho công-thường, có nhà mà không đoái, vân vân...

Tôi vốn không dám lấy việc riêng mình và nhà mà bỏ quên nghĩa công. Xin các ngài lượng cho »

Quính lại quay về Doãn-Thuyền nhủ bảo rằng : « Ta đã bằng lòng cho mày cạo tóc để theo vua ta. Mày nên hết lòng hầu hạ, như vậy còn ở lâu dưới gối ngài. Ta không hối-hận đâu. Mày hãy nghe ta bảo : hãy đi về đi, đừng khóc nữa. »

Tháng 12, quan bộ-đường đề-thầm, chức thượng-thư là quan lớn Hồ — Quý Đường — bảo rằng : « Chúng anh nếu không cạo tóc thì sẽ chết già trong ngục, chôn thây theo sớ nhà tù Cấn giốn (hối hận) sao kịp ? »

Bọn Quính lại kêu ca xót-xa rằng : « Điều ấy là bởi mệnh quan lớn. Nếu bảo rằng bọn Quính muốn như vậy thì muốn vàn không dám muốn. Đến như việc chết già và chôn thây ở ngục thì bọn Quính cũng không dám (nguyện). (Tội chỉ có) ba chữ « *Vi không thuận !* » Rất trông mong ở Quan lớn. »

Rồi thấy giao cả bốn người cho viên coi ngục đem giam cùng một chỗ.

Tháng giêng năm Tân-hợi (1791), nghe nói rằng vua cũ cư trú cạnh Quốc-tử giám, tại phía đông thành (Bắc-kinh), đã được trao chức *tá-linh hậu-quân* thuộc hiệu cờ *Nhương-hoàng* 纓黃旄.

Tháng ba, vua sai Nguyễn Quốc-Đổng mang bạc và trà tới cho. Nhưng trong tù nghiêm cấm không cho vào.

[Phụ chú : Qua các văn-kiện ngoại-giao Việ -Thanh trong khoảng này, ta có thể hiểu những duyên-do tác-động của triều-đình Thanh. Vua Càn-long đã nhẹ dạ nghe lời Tôn Sĩ-Nghị tái lập Lê Chiêu-thống. Sau khi thất bại, về mặt thể-diện thì phải cử quân trả thù, nhưng thấy Chiêu-thống bạc-nhược không giúp gì về chính-trị được, nên còn lo ngại. Khi thấy Quang-trung, dùng ngọn bút Ngô Thi-Nhậm, tỏ ý xin đầu-phục một cách cực-kì khiêm-tốn, lại tự nguyện tới Yên-kinh chúc thọ tám mươi, thì vị vua Thanh già rất cảm-kích, thanh-thật nhận Quang-trung đáng là một phiến-thần đặc-lực, bèn coi Quang-trung như là một thân-vương giữ một phần đất Trung-hoa, đứng trên hàng các

phiên-thần khác. Một mặt thì muốn phiên-quốc thời giặc-gã nên ngăn cản Chiêu-thống và phái-đăng trở về nước. Vì vậy Phúc Khang-An đã an-trí Chiêu-thống ở Quế-lâm, dỗ vua tôi họ Lê cắt tóc cải-trang và mời cháu điệt Quang-trung, là Nguyễn Quang-Hiển, trong khi qua Quế-lâm để lên Bắc-kinh, tới trú-sở của Chiêu-thống để chương-kiến sự ấy (hè năm 1789). Một mặt khác thì đối với Chiêu-thống và các bộ thần, vua Càn-long cũng không thể bạc-đãi cá-nhân, nên cho lệnh cấp-dưỡng. Muốn đạt hai mục-đích ấy, chính vua Càn-long vào cuối năm Kỉ-dậu (1789) đã bảo đem Chiêu-thống và đồn-đăng lên Bắc-kinh để cho xa biên-thùy và để cấp-dưỡng đang-hoàng hơn.

Riêng đối với bọn Quính, xét qua các văn-kiện đã nói trên — tôi sẽ có dịp giới-thiệu nhiều về các văn-kiện ấy — thì có phần chắc rằng Phúc Khang-An đã cố-ý vờ ra ngoài nước, có lẽ theo lời mật cầu của Ngô Văn-Sở lưu-thủ Thăng-long. Vì bọn Quính không nhận lệnh quan Thanh nên mới có cái « án bắt tuân » này, sau khi quan Thanh đã kiếm mọi cách xử ôn-hòa bằng cách khuyên-dỗ.

Còn như vua Chiêu-thống, vì bất tài và bạc-nhược đã chịu an-phận nhận chức tá-lĩnh đời đời với hàm tam-phẩm. Đối với bọn Quính, chắc có lòng kính-phục và thương xót; mọi sai thân-nhân Nguyễn Quốc-Đổng tới thăm và đem quà biếu. Theo tập thơ của bọn Quính, ta biết thêm rằng Chiêu-thống có làm ba bài thơ bát-cú đưa cho bọn Quính họa. Trong mục *Phụng họa Ngự thị nguyên vận* của Quính có chú-thích « Bấy giờ Quính bị giải đến Yên-kinh, vua Lê sai Quốc-Đổng đem cho mười lạng bạc roong, một cân trà và ba bài thơ. Quính kính họa rồi gửi tiểu trình » Nay còn thấy các thơ họa của Quính và của ba bạn đồng ngục. Nhưng tiếc rằng tôi chưa được thấy nguyên thi của Chiêu-thống để biết chút ít tâm-trạng của vị vua chót của triều-đại đã khởi thủy oai hùng. Ba bài họa của Quính thì, theo chú-thích, bài đầu tả tình-huống, bài thứ hai tỏ chí tưỡng-niệm và bài cuối ngỏ kì-vọng sâu-sắc. Đại ý bài đầu là : « Trãi sương giá vẩy đồng tiều-tụy ; hằng ngày nghìn sầu vạn khổ kéo tới. Lửa đốt ruột gan chảy từng khúc ; thoi đưa sáng tối dệt mỗi sầu. Hồn mơ màng mộng xuôi về bể Nam ; thân ở ngục tịch-mịch như ở chốn không-hư. Cúi

nghĩa chuồng trung nếu thoát ra khỏi, thì đành ẩn-dật làm kẻ ngư-tiêu. »

Cũng trong tập thơ của Quính, lại có một mục đề *Tháng tư, nhận thơ của vua thăm hỏi, kính họa lại*. Tuy không nói rõ năm nào, nhưng chắc cũng cùng năm Tân-hợi (1791), vì từ tháng 5 năm ấy về sau, như đoạn sau sẽ nói rõ, bọn Quính bị tuyệt đường thông tin với nhà vua. Bài thơ của Chiêu-thống chuyển này cũng không thấy. Chỉ còn có hai bài họa của Quính. Nhờ câu kết « Quay về mặt trời rồi ngảnh lại nhìn mình thì thẹn với bóng ; nhiều lần ban khen quá, tôi không dám vui sướng nhận », ta hiểu rằng vua Chiêu-thống đã khen tiết-tháo và từ-chương của Quính]

Tháng 5, nghe lóng rằng những bầy tôi từng đã chạy theo vua đều bị khiển-trách. và đem đi các xứ đề an-trị : Hoàng Ích-Hiếu ở Y-lê, Phạm Như-Tùng ở Hắc-long-giang, Nguyễn Quốc-Đổng ở Cát-lâm, Lê-Hân ở Phụng-thiên. Còn dư là bọn Nguyễn Huy-Hiền, Nguyễn Việt-Triệu đều ở Nhiệt-hà. Chỉ vì âm-tín không qua lại được, nên chưa biết rõ thật không. Mà từ đó về sau, cũng tuyệt không tin tức.

[Phụ-chú : Như trong lời giới-thiệu đã kể, sự phân-tán và an-tháp các bô-thần nhà Lê xảy ra vào ngày 20 tháng tư năm ấy. Duyên-cớ bởi sự bắt-khuất của bọn Quính đã kích-thích Chiêu-thống. Và lại vừa thay vua Thanh tiếp Quang-trung giả (chả Chiêu-thống không biết rằng giả) như một t-ân-vương (ngày 11 tháng 7 năm Canh-tuất 1790). Ngày tháng 10, đã nghe lời Hoàng Ích-Hiếu mà cam kết với các bô-thần quyết sống chết cùng nhau cố xin trở về đất Tuyên-quang. Bọn các-thần Hòa Thân, không những không cho phép, mà còn lập nên cái án chung này. Trong một bức thư Quang trung cảm ơn Hòa Thân có lời rằng : *Đến như Lê Duy-Kì xứng nghe Hoàng Thừa-Ích xui-xiêm xin được an-tháp ở đất An-nam ; Hoàng-thượng lấy sự bọn Thừa-Ích không biết an-phận, đã kết nên một án đem chúng phát-khiển*. Cái tên Thừa-Ích chắc trở Ích-Hiếu. Ích-Hiếu bị đày với con tại đất Y-lê, thuộc biên-giới Tân-cương và Siberia, nghĩa là bị đày xa nhất ; chắc vì bị kết tội chánh-phạm.]

Năm Nhâm-tí, Càn-long thứ 57 (1792), tháng 5, quan lớn coi Quân-cơ gọi bọn Quỳnh vào phủ Nội-vụ, hỏi rằng: « Trước đây, anh tới với chí lo khôi-phục. Bây giờ cùng đi còn có mấy người? Em chúa anh là Lê Duy-Chi 黎惟祇, người ấy có thể giúp-rập được chăng? »

Bèn đáp rằng: « Nhà Lê lập nên nước đã hơn bốn trăm năm, lòng nhân sâu, ân-trạch dày, thấm nhuần đến người ta đã lâu. Nhà Lê mất; lòng người thương xót. Và lại bấy giờ nghe nói Thiên-riều vì nghĩa giúp Lê, dân cả nước đều đã xưng là dân nhà Lê thì ai là không suy tính và nói cùng một lời. Xem đó có thể thấy rằng quốc-nhân đều đồng-chí cả. Từ sau khi chúa cũ sang đất Bắc, Quỳnh đã vâng mệnh vương-phi (trò Nguyễn Thị-Kim), nhóm họp cựu-thần, thế-tộc, phiến-mục, thờ-hào được chừng hai trăm viên. Thủ-hạ thì kẻ nhiều có hơn nghìn, kẻ ít có vài trăm. Vậy người theo không phải là ít. Đến nay đã qua ba bốn năm. Nguyễn Huệ đã được phong vương. Mệnh trời đã định. Lòng người dễ đoán Nay đời thay, sự đời; mỗi người có một lòng. Vậy nay, không dám chắc có mấy người theo tôi.

« Còn như em chúa cũ, là Lê Duy-Chi, thì khi chúa cũ chạy ra ngoài, với ba bốn chục người (giúp) còn có thể giữ một phương đề kháng. Về mặt vũ thì tựa-hồ có thể làm được, nhưng y tuổi còn non, không đủ đề trông ngóng. Chỉ sợ y vị-tất đã chưa bị Nguyễn Huệ làm hại. Hoặc-giả y nay còn sống, thì cũng chưa chắc tranh-đấu với nó được. »

[Phụ-chú: Tôi chưa hiểu bởi lí-do gì quan Thanh trách-nhiệm quân-cơ đã dò hỏi ý-kiến Lê Quỳnh về việc chớng Quang-trung. Có lẽ từ sau khi củng-cố địa-vị mình đối trong và ngoài, Quang-trung đã tỏ ý bất-thần đối với triều Thanh chăng? Chuyện đòi đất Ngự-dương Hồ-diệp thuộc Hưng-hóa, vào năm 1791, và chuyện cầu hôn (1792?) có thật vì các tờ bẩm nay còn. Chuyện thu dưng quân Tàu-ô cũng chắc có thật, theo lời Ngụy Nguyên (Xem Sử Địa số 9-10). Còn những chuyện khác chép trong *Đại Nam Liệt-truyện*, như đòi đất Lương Quảng thì chưa chắc đã có thật, nhưng cũng có thể đã nảy mầm trong trí Quang-trung và đã được tung ra.

Riêng đối với gia-quyển vua Chiêu-thống còn ở lại trong nước, thì hình như Chiêu-thống đã xin vua Thanh bảo Quang-trung tìm đem sang ở cùng. Trong các thư-hàm giữa Quang-trung và quan Thanh có nhắc lại điều ấy. Cuối cùng, Quang-trung thoái-thác rồi bỏ-lang việc ấy. Duy-chi thì đã bị bắt và giết vào khoảng đầu năm Tân-hợi (1791), như Quính đã đoán.]

Năm Quý-sử (1793), tháng 5, quan thu-thầm thuộc bộ Hình, đưa câu hỏi này: « Người An-nam có Lê Duy-Trị 惟治, lại mang một tên nữa là Duy-Phồ 惟溥, nó là bà con với chúa người ra sao? Hoàng Văn-Tương 文相 (桐?) Nùng Phúc-Tấn 福璣 là người thế nào trong nước người? »

Bọn Quính trả lời: « Lê Duy-Phồ thì tưởng chừng là chú họ chúa cũ, Nhưng con cháu họ Lê rất đông-đúc; chúng tôi không nhớ rõ các tên và các tự. Xim xem độn-mão thì mới biết đích-thật chẵn. Hoàng Văn-Tương thuộc thổ-ti đời đời giữ ải ở cửa Bình-di. Nùng Phúc-Tấn cũng nối đời làm tri-châu Bình-lạc. Những tên người ấy, bây giờ sao lại có hỏi đến? »

Quan Thu-thầm nói: « Ấy vì chúng tự cạo đầu tới xin đầu. »

[Phụ-chú: Thu-thầm là chế-độ tư-pháp, mùa thu tháng tám họp các quan tại kinh để xét lại các tử-tội xem án nào thi-hành, án nào hoãn hoặc giảm.

Bởi có gì đã có sự phỏng-vấn mới này? Bấy giờ Quang-trung đã mất (ngày 29 tháng 7 năm trước, nhưng đến tháng 11 mới báo tin cho vua Thanh biết). Đầu năm Quý-sử này, Thành Lâm, án-sát Quảng-tây sang Thăng-long dụ-tế và do thám tình-bình nước ta, đã về báo tin rằng trong nước phe đảng xấu xé lẫn nhau (theo lời chép của Ngụy Nguyên). Phải chăng, quan Thanh muốn dòm ngó đất ta một lần nữa?

Theo lời quan thu-thầm thì các người kể trên đã vào đầu ngụ. Nhưng Nùng Văn-Tấn và Hoàng Văn-Đông (bản chép tay viết Văn-Tương; chữ Tương tự-dạng rất gần chữ Đông, tôi nghĩ rằng

đó chính là chữ Đổng) là hai thủ-linh miền Bão-lạc, Cao-bằng đã từng có lúc ủng-hộ em thứ ba vua Chiêu-thống Lê Duy-Chi. *Đời Nam Luyệt-truyện* chép rằng: Sau khi vua Chiêu-thống chạy sang Thanh, em là Lê Duy-Chi chiếm cứ Tuyên-quang Cao-bằng, dựa vào những viên thổ-tù Nùng Phúc-Tấn, Hoàng Văn-Đông. Lê Duy-Chi và Phúc-Tấn, Văn-Đông thế không địch nổi đều bị giết. *Hoàng Lê Nhất-thống chí* ghi rõ rằng: Được một tháng, binh lương không đủ, quân bị thua. Duy-Chi và các tướng-tá đều bị bắt và đóng cũi đưa vào Nam, và cùng bị hại. Một vong-thần khác, *Lê Huy-Dao* (tôi đã viết lầm ra Trần Đình-Dao trong *Sử-địa* số 9-10 trang 260) chạy theo chúa Yên-đô-vương. Vào cuối năm Canh-tuất trốn ở vùng Sơn-nam-hạ (1790), đã thông với Duy-Chi đóng quân ở Bão-lạc (Hà-giang Cao bằng) để mưu đánh Tây-sơn. Nhưng Hoàng Văn-Đông phản, chỉ-diểm cho tướng Tây-sơn đem quân bắt Duy-Chi. Trong bài *Lữ-trung ngâm*, Huy-Dao chép (văn nôm):

Ngăn dải Tuyên, dựng nền dựng vũ

Dù lam-yên chướng-vụ quân bao

Bổng Văn-Đông có làm sao

Một tay tráo-trở tao (: lẫn) này làm đôi

và có chú-thích rằng « Hoàng Văn-Đông tức là *Diễn quận-công* » và « năm Mậu-thân (1788) hoàng-đệ thứ hai (Duy-Lưu, tên thường phiên âm ra Duy-Tự 惟 祐) cũng bị y tố ». Xem vậy thì Hoàng Văn-Đông không bị bắt cùng Duy Chi và Nùng Văn-Tấn. Nhưng tập *Tây-sơn thuật-lược* (xem bản ông Tạ Quang-Phát đã dịch trong *Sử-địa* số 9-10 trang 163) kể chuyện rằng sau khi bắt được Duy-Chi (đã lầm ra Duy-Tự), tướng Tây-sơn, nội-hầu Lân, giả cách thưởng yến cho « Cha con *Diễn quận-công* cả thấy năm người đều được ban cho áo cẩm-hoa-bào và khăn là lụa hồng, đều ngồi mà yến-ẩm Khi rượu đã say, nội-hầu Lân làm rót cái mâm đồ g lim-hiệu, quân Tây-sơn bèn bắt cha con *Diễn quận-công* mà chém... ». Chuyện bắt và giết nhóm kháng chiến cuối cùng phò Lê xảy ra vào năm Tân-Hợi (1791), theo sách này. Năm trước, Quang trung đã sai Nguyễn Quang-Huy và Nguyễn Văn-Uyển đem quân lên đánh

BẮC HÀNH TÙNG KÍ

北 行 叢 記

▽ HOÀNG XUÂN HÂN
(tiếp theo S. Đ. số 14-15)

Năm Giáp-dần (1794), tháng 5, có người đàn bà nước ta, quê ở Tân-môn, ả-muội (vợ Khách) họ Nguyễn, vì đi theo giặc bề Quảng-đông bị đem đày ở Hắc-long-giang, nên phải qua bộ Hình và bị thu giam ở sở này. Nhân nhíp, có thẻ hỏi tình hình trong nước. Nó bảo rằng : « Chúa Nguyễn bị quận-công Kiêu 喬 giết. Tin mới nghe qua-loa, chưa biết có thật không ».

Năm Bình-thìn, niên-hiệu Gia-khánh năm đầu (1796), tháng 2, quan thu-thầm thuộc bộ Hình lại hỏi ý. Quính viết tờ bàm, tóm tắt lời rằng :

« Trước đây, ngu-muội, tôi không biết tự lượng, đã muốn đem một sợi tóc để kéo nghìn tạ ! Và vì thờ vua không theo thói ở hai lòng nên bị nhốt, thế mà không hiểu rằng cái khô-tiết không thể giữ được trình. Bèn đến đổi bởi lòng nghĩ có sai *tơ tóc*, nên tự hãm vào chuồng tối tăm. Bảy năm rào kín ; hai mái diêm sưng.

« Nay được thấy ơn Trời tràn khắp, ngọn tóc được nhuần. Nếu may ra (Bề trên) xét lỗi biết lòng, tha giam, cho đem nạm xương về, khiến cho kiến được sống, cáo đã chết cũng thỏa lòng mong ; thì chúng tôi kéo tóc đếm ơn, tuy xương nghiền thân xé cũng không thể báo đáp một phần muôn.

« Còn như sự *cạo tóc*, thì sao khủng ! »

Phụ chú : [Từ cuối năm Tân-hợi (đầu năm 1792), cái án « bất tuân » xem chừng đã định phạt cho nhóm Quính. Gióng-giả trong hơn năm năm, hình như sống lẻ-loi buồn tẻ, cho nên trong khoảng ấy không còn thấy chép một sự-kiện gì ngoài sự được gặp bóng một đàn bà Việt, tuy là cũng chỉ là vợ một tên giặc biên Quảng-đông. Còn tin chúa Nguyễn bị giết, thì chỉ là tin hão.

HOÀNG XUÂN HÃN

Phải đợi đến khi vua Gia-khánh lên ngôi, mới được nhà chức-trách quan-tâm đến các tù-nhân. Nhưng trong tờ trình của Quinh, giọng vẫn chua-chát mỉa-mai, và kết-cấu bằng ý cả-quyết xin tha cho về nước, chứ không chịu cạo tóc. Ý chừng các quan bộ Hình không hài lòng, nên không thấy trả lời và lại bỏ bằng đi trong ba năm nữa.

Nên đề ý đến sự trọng văn thơ của Quinh, thường cố dùng nhiều điển, nhiều thành-ngữ, phương-ngôn liên-quan đến tóc. Trên đây, có điển trở cái gì nhiều không thể lường được, ví như kéo từng sợi tóc mà đếm.]

Năm Đinh-tị, Gia-khánh năm thứ 2 (1797), tháng 11, thấy đàn bà người nước ta họ Phan, quê huyện Thiên-lộc (Can-lộc), xứ Nghệ-an (Hà-tĩnh). Vì là gia-quyển tên giặc bề, y bị phạm tội lây và bắt giam ở đây. Hỏi y, mới biết rằng :

“ Từ núi Hải-vân về đông (đông-bắc), thuộc con Nguyễn Quang-trung hiệu Cảnh-thịnh. Từ Quảng-nam vào nam, thuộc Nguyễn Nhạc hiệu Thái-đức. Đất Đồng-nai — tức là đất Gia-định Biên-hòa ngày nay — thuộc cháu chúa Nguyễn cũ, tức là Nguyễn Phúc-Chúng. (Thế) chia như ba chân vạc.

“ Năm trước Cảnh-thịnh với quân Đồng-nai hội chiến trên mặt bể, chưa chia rõ được thua. Còn đang đóng tàu đúc súng, bắt dân ra lính để lo toan đánh nhau trở lại — chỉ là cùng Đồng-nai đánh trở lại để đình cuộc — Và lại gặp năm mất mùa, dân không biết nhờ đâu sống. ”

Ấy thật là :

Non sông tan-tác bóng rơi nước

Thân thể lênh-đênh gió giật bèo !

Quả như vậy.

Phụ chú : [Chuyện gặp người đàn-bà nước ta họ Phan này đã đề một ấn-tượng sâu trong tâm-hồn Lê Quinh. Trước hết, hình như bà này bị giam lại lâu ở cùng sở cho nên gặp gỡ nhiều hơn cô ả-muội ba năm trước. Và lại xem chừng bà này có trình-độ kiến thức cao hơn và có lẽ có địa-vị xã-hội cũng cao. Những điều kể lại trên này đều đúng sự thật. Một điều khác nữa là kẻ giặc bề chông bà chưa hẳn đã là giặc thật. Theo Ngụy Nguyên trong sách *Thành-vũ-kí* chép rằng « Đầu đời Gia-khánh (1796)...con Nguyễn Quang-Bình với tội vong mạng dục bề, cấp cho binh thuyền, như bằng quan-tước, sai cướp các thuyền buôn ở bể gần để biện lương-thực... Tướng-quân Phúc-châu là Khôi Luân, tổng-đốc Lương Quảng là Cát Khánh trước sau tàu rằng đã bắt được giặc bề tàu ô, bọn Trần Thiên-Bảo, có ấn sắc An-nam tổng-binh, và Báu-ngọc hầu... » (Xem

Sử-địa số 9-10, trang 260-261) Bà họ Phan bị giải đến Bắc-kinh và cuối năm sau, rất có thể là gia-quyển của một tổng-binh thuyền-trưởng của Quang-Toản. Duyên cớ cuối cùng, mà có lẽ then-chốt ần-tàng, là bà họ Phan này chắc xinh đẹp. Những kẻ văn-nhân chính-trị xa đất nước, bị giam cầm đã ngót bảy năm, bấy giờ được chạm mặt một kiều-nữ quê hương, được nghe chuyện đất nước chia tạn, thì sao khỏi cực kì cảm-xúc.

Trong tập thơ, Quính còn để lại hai bài Đường-luật với đề *Tặng bà họ Phan người Nghệ-an*, với lời dẫn đại-khái như đoạn văn trên đây. Bài đầu có thích đề *Cảm nước cũ chia xẻ* : « Sau rào gaj vắng-vẻ, nhớ quê nhà. Nghe kể chuyện, thân mình run sợ. Non sông yên tĩnh không còn một chỗ nhỏ nào. Đất đai nam bắc bị chia xẻ làm ba. Yếu làm tổ trong rừng, lạc lối không đường về. Rong quần nhau ngoài bể, sóng cuộn tận mây. Thấm-thoát thời đưa đã qua bảy năm. Ruộng dâu bể xanh tráo đổi thật là chóng ! »

Bài thứ hai có thích đề *Thân hồng-nhan trôi giạt* : « Không đáng kể kể cô-thần cố phải chấp kinh. Mà quần-thoa sao đến đổi phải lênh-đênh. Một chồi liễu yêu-kiều đang với gió. Xa vạt dặm bèo chìm nổi theo sóng trôi. Sửa nét xuân-sơn (đường mây) liền nhớ đến non Tản (núi Tản-viên). Trông làn thu-thủy (con mắt) nhắc nghĩ đến dòng Lô (sông Nhị). Gió bắc thổi làm tỉnh giấc mộng Chiêu-quân. Biếng gảy ti-bà, mỗi tựa bức bình-phong. »

Bóng giai-nhân hình như chỉ thoảng qua. Bà Phan-thị có lẽ phải dời đi biệt tích. Tháng sau, các tù-nhân lại trở với những chuyện bực mình.]

Tháng chạp (năm Đinh-tị 1797), (Quính) viết tờ trình quan coi ngục thuộc tỉ Đề-lao. Lời tóm tắt rằng :

« Chúng tôi bọn Quính, cô-thần muôn dặm, giam-giữ tám năm. Được các ngài từng chiếu-ở đến nhiều, mọi việc xử rộng ; khiến cho sâu kiến trước đây được thỏa tình tình. Chúng tôi đã cảm-bội không xiết.

« Vì vậy trần-tình, mong lòng trên xét :

« Quính là kẻ đại-phu của nước mất, vốn không thể lo tính sự sống còn. Còn như ba người kia, bọn Lí Bình-Đạo, đối với nước, đối với nhà, tình và phận có chỗ còn hiem, cho nên đã đi theo Quính, vương chung một nạn. Lòng chúng còn có sự chưa yên. Từ rày về sau, nếu trong ăn nói cư-xử, hoặc có điều gì chưa đến nơi đến chốn, thì xin chỉ đưa một mình Quính ra hỏi tôi. Lễ đề giàn xếp, phép đề cai-trị. Như thế là phải, ngoài ra đâu nên làm.

« Vả chẳng, bọn Quính tuy là người hóa-ngoại (: ngoài vùng văn-minh của Trung-quốc), nhưng cũng sợ đời sau trong thiên-hạ sẽ mắng rủa là người đã phạm lỗi với danh-giáo. Vốn không tham sống đề làm

HOÀNG XUÂN HÃN

phản nghĩa, cũng không chịu chết uổng đê làm hồng lòng nhân. Chúng tôi từ rày, bề ngoài tui l thắm, bề trong trắng-trẻo. Chỉ cầu may làm sao không phải thẹn là đủ. Há phải đợi đến những sự-kiện nhỏ-mọn ấy sao ! Bep tròn tùy sự dạy, trâu ngựa chịu lời kêu. Mà phép oai có luật, đã khắt vào bằng làm bằng làm ước. Chứ không phải đợi lên tiếng hay phát giận mà sau mới im tiếng nghe lời. »

Các vị coi ti đê-lao đều khen là khí-khái.

Phụ-chú : [Tuy không rõ trong ngục đã xảy ra việc gì, đọc tờ trình trên, ta cũng đoán được rằng các bạn Quỳnh đã bị viên coi ngục mắng oan việc gì cho nên cãi lại, rồi bị chúng chủi dũa và có lẽ hành-hạ đập-đánh. Bị nhốt trong tám năm rồi, trong năm sáu năm không được liên-lạc với ai ngoài, thần-kinh của các tù-nhân xem chừng đã bị quấy, và lòng phần-uất không thể đê nén được nữa. Thế mà Quỳnh vẫn giữ được thái-độ hồn-nhiên, kiên-nhẫn hơn các bạn, và vẫn lấy văn tự làm khuây.]

Trong đê cuối năm ấy (Đinh-tị, đầu năm 1798), sau lúc giao-thừa, Quỳnh có làm bài thơ cảm-tác, đê *Đinh-tị trừ-tịch cảm tác*, và chú : bấy giờ tuổi lên 49. Ý thơ rằng : « Đọc sách chột giận đê không hiểu nghĩa sách Xuân-thu. Muốn vì cương-thường, dùng mưu lại lầm. Những đê tắc lòng giữ cớ sớ Hán (chuyện Tô Vũ). Mà lại làm sai một mây tóc nên phải nhốt ở ngục Yên (vừa ngụ chuyện Văn Thiên-Tường vừa trở ngục ở Yên-kinh tức là Bắc-kinh)-Thân vương nghiệp-quả đầy chip năm. Co ngón tay đê tuổi đê chẵn bốn mươi chín. Đông đi, xuân lại, vui mừng lại sang nguyên-đán. Khí dương về, rồng sẽ triệt hết bóng tối trong tù chẳng ? » Ý chừng Quỳnh mong vua Gia-khánh nhân lệ ban ân ngày tết sẽ thả mình chẳng ?

Nhưng suốt năm Mậu-ngọ, 1798, bọn Quỳnh vẫn ở tù trong ngục Bắc-sở tại bộ Hình. Cũng ở ngục này, cách bấy giờ gần ba trăm năm có một tù-nhân rất có danh-vọng vì khí-tiết. Ấy là Dương Kế-Thịnh, một nho-thần triều Minh đê tâu kể tội viên đại-thần, Nghiêm Tung cho nên bị đánh và giam ở Bắc-sở trong ba năm trước khi bị hành hình (1555). Lúc lâm-hình, Kế-Thịnh có làm bài thơ khi khái như *Chính-khí ca* của Văn Thiên-Tường. Khi còn tại ngục, ý có giống trong vườn tù một cây du là loài cây gỗ tốt (Pháp-ngữ : orme). Hai trăm năm mươi năm sau, cây già khô rồi lại đâm chồi sống lại. Tháng ba năm Mậu-ngọ (1798) viên coi ngục quyền tiền dựng nhà thờ và lập bia kỷ-niệm kể cô-trung xưa. Quỳnh có soạn hai bài thơ Đường-luật tán-tụng sự cây du sống lại hàm-ý kinh-Dương Kế-Thịnh.]

Năm Kỉ-mùi (1799), ngày Thượng-nguyên rằm tháng giêng. Phòng giam không lửa ; trăng giọi không đèn. Đối cảnh sinh tình, tả buồn kẻ nhớ. Viết thành ba trăm tám mươi bốn chữ, gọi là :

BẮC SỞ TỰ-TÌNH

- 1 Sự-thể phù-vân. chán thấy lòng muôn đời về — Can tràng lửa đốt, oan cho lòng muỗi thành tro.
- 2 Xót rằng Lê đã hờ cơ — Đến đổi Tây thừa dấy nạn.
- 3 Sức mãng Ô-châu trống gióng, nhảy chồm đuôi hồ... lũ dên đàn — Thoắt nghe Long-đổ chuông rơi, vất-vường qua sông, xe ngựa lè.
- 4 Muối muốn dấy thế-cơ đội núi — Cáo định mang lột hồ làm oai.
- 5 «Tồn cô» xưa học Tấn Trinh Anh — Lại đổi Bao-Tư xin Tần giúp.
- 6 Sang Hán mong làm Trương-tử — Hóa ra Tín-quốc tù Yên.
- 7 Lầm cơ, nên biển khôn lường — Làm việc, thì tình sao tỉnh ?
- 8 Vạn dặm từng qua đông tuyết gọi, đầu không cạo mà tự sồn. Mười năm đành chịu gió bắc pha, mũ chưa hư mà tự rách.
- 9 Lòng phảng-phất như giun nhà đất — Thân coi chừng bướm xông đèn.
- 10 Chấn nhóp như ò chó chuồng gà, an-nhàn ấy đất — Cảnh tù tối, tay trùn gan chuột, sống thác nhờ trời.
- 11 Trong tắc lòng, còn ghin chữ tòng — Về chức phận, khỏi đâu không hối.
- 12 Bắc-hải chưa mọc sừng đầu ngựa, ruột chín vòng vắn-vít non Mai — Đinh-hồ chẳng kịp niu râu rồng, lệ hai chuỗi chan hòa trời giá.
- 13 Công nghĩa đã không dám ngóng — Tự-tình đi biết nói sao ?
- 14 Cây trùn mây trắng trở quê-hương, luống đợi thư tin ngóng nhận — Núi ngậm gương hồng trông bố mẹ, thẹn không nuôi móm như ô.
- 15 Làm cho đường trung hiếu cả hai khuấy — Vả lẽ đạo bồ-thần không biết chết.
- 16 Ôi ! từ xưa ai mà không chết ; muốn kết phận, sợ tồn lòng nhân — Vả làm người ai chẳng vui sinh ; muốn tòng quyền, e càng hại nghĩa.
- 17 Minh bạch những theo thiên lí — Chê bai sao cấm miệng người.
- 18 Trâu ngựa chịu tên kêu, không hồ lòng. thì không thẹn mặt — Rắn rông an chỗ gặp, không sợ trời, cũng chẳng oán người.
- 19 Ô hô ! Thú chết châu gò là hồ — Chim đậu cành nam là trí.
- 20 Tống Trân, Bùi Bá-Kì đời trước, tù Bắc tổ niềm trung — Duy-Liêu, Lê Quang-Bí người đầu, về Nam tròn khí tiết.
- 21 Mà nay, sống thừa còn chưa chết — Đầu bạc lúc nào về ?
- 22 Lồng-lộng trời kia ! Sao mà cực thế ?

Viết xong, dán lên vách. Cuối tháng, quan lang-trung bộ Hình là Kim Quang-Địa. 金光地 thấy đọc mà than thở.

北所叙情

世事浮雲。飽見狗衣變態。肝腸熱火空教。蛟悃成灰。但知鬻氏弛綱。致獲
 渠構難。乍聽烏州鼓動。踴躍驅逐虎之群羊。條開龍肚。鐘移閔閔。跟渡河
 之匹馬。蚊欲奮負山之勢。狐擬揚托虎之威。存孤初與子晉程嬰。韓作包胥復
 秦佐。漢後希韓孺子。翻成信國囚燕。誤機之變。靡常。行客之情。何暇。萬里曾
 經。冬雪沐頭。未剃而自髡。十年無奈朔風吹。冠弗毀而自裂。心紛緋吐泥之
 蚓。身依稀投燭之蛾。沮洳場狗鳩鷄栖。安閑有地。幽囚境鼠肝蟲臂。賦
 予隨天。方寸中惟慎于從。職內不能無憾。北海未生。次。馬角。孫紫桂嶺九迴
 腸。鼎湖莫逮龍髯。珠滴水天。雙串淚。公義已非敢望。私情夫復何言。白雲
 鎖樹。指粉榆。空囑繫書之雁。紅日含山。瞻岵岵。偏慚反哺之鳥。致令忠孝
 道之兩虧。為欠逋播臣之一死。嗟自古誰能無死。欲了分恐或傷仁。且為人
 玩不樂生。欲從權恐尤害義。明白但循天理。堆黃誰管人言。牛馬任其
 呼。魚豎心即魚愧色。龍蛇安所遇。不恐天亦不尤人。嗚呼。獸有首邱
 之狐。禽有南枝之鳥。宋珍裴伯耆在昔。拱北見丹哀。惟僚黎光。竟何人。指
 南還素節。而今。餘生猶未泯。白首究何歸。悠悠彼天。曷其有極。

北行叢記 黎七臣黎佃著

己酉年季夏

黃春瀚手抄



Bài «Bắc Sở Tự Tình» do Hoàng Xuân Hãn sao lại.

Phụ-chú : [Bài *tự-tình* này thuộc loại văn *biền-ngẫu*, mỗi câu hai vế cân đối. Mỗi vế chia ra từng tiết ngắn thường bốn hay sáu chữ, nhưng cũng có biến đổi chút ít.

Văn lối ấy gọi là *tứ-lục*. Tuy không vần, nhưng phải hợp *niêm* nghĩa là các vế phải đối nhau về *phương-diện* bằng trắc đã đánh, mà tiết đầu của một câu phải dừng với tiếng đồng thanh (trắc bằng) với chữ cuối câu trước. Tôi đã gắng dịch ra văn nôm cũng theo lối *tứ-lục* y như *nguyên-văn*. Còn *nội-dung* thì dùng *điền-cổ* và *sáo-ngữ* nhiều. Tôi hãy chú giải *đơn-sơ* những *điểm* khó hiểu. Đề-mục là *bày-tình* trong khi ở ngục *Bắc-sở*.

1) Sự thể biến đổi chóng như mây nổi hình con chó, màu sắc theo ánh mặt trời thay đổi (*Bức tranh vân-câu vẽ-vời tang thương — Cung-oán*) — Muỗi trở kẻ hèn mọn.

3) *Đé đàn* trở bọn tướng *Trịnh*, *Phạm Ngô-Cầu* và *Hoàng Đình Thê* chống với *Nguyễn Huệ* ở *Thuận-hóa* (Ô châu) — *Long đở* trở *Thăng-long*. *Chuông* với *vac* là *khí-cụ tượng-trung* một *triều-đại*; đây nói *Chiêu-thống* mất ngôi, *cò đơn vượt sông Nhị* chạy trốn.

4) Ý muốn nói *Quinh* sức hèn mà mong chống với *Tây-son*, mượn tiếng vua *Lê* để khởi nghĩa.

5) *Đôi Tấn* (*Xuân-thu*) họ *Triệu* bị *địch* diệt và tìm giết hết con cái. Một môn-nhân tên *Trình Anh* cùng trốn với một con bé họ *Triệu*, rồi bảo một người họ *Triệu* tên *Công-tôn Chử-Cậu* trốn vào núi với một bé khác. *Trình Anh* báo cho *địch* biết rằng con họ *Triệu* còn trốn ở núi, khiến *địch* lùng bắt giết. Nhờ vậy nòi *Triệu* còn và sau nhờ *Trình Anh* mà *phục thù* được. Xong việc *Trình Anh* cũng *tự tử*. *Đôn cô* nghĩa là giữ đứa con cô được sống sót.

6) Các tích *Bao-Tur* (họ *Thân*), *Trướng-tử* (*Tử-Phòng* tức là *Trương Lương*) và *Tin-quốc-công* (*Văn Thiên-Trường*) đều đã gặp trong những đoạn trên bài kí.

) *Ngụ* ý việc *Quinh* không chịu *cạo tóc* và *chuyện Tô Vũ* bị *Hung-nô* giữ lại trong mười chín năm, lúc về *mũ* và *cờ mao-tiết* đều rách tươm.

9) *Thành-ngữ* trở lòng sạch (*gian nhả đất*) và *mạo hiểm* (*bu óm xông dèn*).

10) *Tay trùng* là cánh tay con *bọ ngựa* (chống xe), ta thường nói *châu-chấu* chống xe. *Gan chuột* trở nhứt-nhất.

12) Cũng là tích *Tô Vũ* bị *Hung-nô* ở *sa-mạc* (*Bắc-hải*), chúa *Hung-nô* hẹn rằng khi nào *ngựa* mọc sừng thì sẽ *tha về*. *Non Mai* tức là *Mai-lĩnh* ở phía bắc *Quảng-tây*, giới hạn của vùng *Việt xưa*. — *Đỉnh-hồ* : ngụ ý khi vua *Chiêu-thống* mất không được *tiển*. Tích *Hoàng-đế* sau khi *đúc đỉnh* ở *Kinh-son* (Sau gọi tên đất là *Đỉnh-hồ*) thì *có rồng hạ xuống đón lên tiên cùng cận-thần cung-quyển*. Còn các *tiểu-thần* thì *nú lấy râu rồng*, nhưng *râu đứt*, *rồng bay mất*

14) Ý nhớ quê hương, thương bố mẹ. *Mây trắng* ngụ *chuyện*

Địch Nhân-Kiệt đời Đường trong khi hành quân trèo lên núi Thái-hàng quay nhìn đám mây trắng bay lẻ-loi, bảo với người chung quanh rằng « mẹ ta ở dưới đám mây ấy ». Bồi-hồi nhìn theo mây đến lúc xa mới đi. Đó là chim quạ mà người xưa tin rằng khi mẹ già, nó tha mồi về mớm cho mẹ (Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn và Lòng còn gửi đám mây Hàng, Kiêu.)

15 *Bồ-thần* : bầy tôi chạy theo vua lánh nạn.

16) Muốn tự-tử nhưng sợ làm tổn hại lòng trời sinh ra người. Muốn theo lời bảo cáo tóc để sống sung-sướng nhưng sợ hại đến nghĩa yêu nước.

19) Cầm thú cũng biết nhớ quê tổ, như cáo chết nằm quay đầu về gò có hang gốc, chim trĩ bị đem sang đất bắc chọn cành nam làm tổ.

20) Bốn tích người nước ta bị giữ lại ở Trung-quốc từ đời Trần đến cuối Mạc. *Tống Trân* là một nhân-vật chưa hẳn có thật. Theo truyền tụng thì Trần người huyện Phù-hoa (nay là Phù-cử, tỉnh Hưng-yên) tám tuổi đậu trạng-nguyên không biết đời nào. Đi sứ « Tần-quốc », bị giữ lại mười năm mới được về. Chuyện ấy được truyền lại bằng chuyện văn nôm lục-bát chắc đặt ra đời Lê. Nay còn có đền thờ làm phúc-thần ở làng quê. Theo ý tôi, chuyện này dân-gian đã tưởng ra vào khoảng đời Trần là đời có những sĩ-tử thần-đồng như Nguyễn Hiền đậu Trạng-nguyên lúc mười ba tuổi (hình như không có sự-nghiệp gì lớn) và Nguyễn Trung-Ngạn mười hai tuổi đậu thái-học-sinh, mười sáu tuổi đậu hoàng-giáp, có đi sứ Nguyễn.

Bùi Bá-Kì người huyện Thanh-miên (Hải-dương) đậu thái-học-sinh. Thấy Hồ Quý-Li cướp ngôi vua, Bá-Kì đi xin quân Minh sang đánh Hồ và phục-hưng Trần. Minh chiếm nước ta, cho Bá-Kì chức tham-nghị. Y âm-mưu chống chế-độ quận huyện nên bị Minh bắt đem về giam đến chết ở Bắc-kinh.

Duy-Liêu họ Trịnh được Nguyễn Kim từ Thanh-hóa sai vượt bể sang Minh (1534) tố cáo Mạc Đăng-Dung tiếm loạn. Bị cơn bão, thuyền bạt đến Chiêm-thành. Cuối năm 1536 mới tới Bắc-kinh. Bèn bị giữ lại ở vệ Cẩm-y để tra xét. Sau khi Mạc hàng tướng Minh, Mao Bá-Ôn, Duy-Liêu bị giao cho Quảng-đông an-tháp (1541). Có lẽ sau được thả về Thanh-hoa.

Lê Quang-Bí người huyện Đường-an (Đường-hào, Hải-dương) đậu tiến-sĩ Năm 1549, Mạc Phúc-Nguyên sai đi sứ Minh tuế cống, bị kẻ gian tráo đổi đồ cống. Đến Nam-ninh sự bại-lộ, bị quan Minh giam-giữ quản-thúc trong mười chín năm mới được về. Quang-Bí là một văn-sĩ nổi tiếng đời Mạc. Làm quan đến Lai-bộ thượng-thư và được phong tước Tô-xuyên hầu để nhắc chuyện Tô Vũ đời Hán.

So với bốn vị trên, Quỳnh có ý tự hào, nhưng bấy giờ tuổi vừa năm chục, tù đã mười năm. Lòng chán-nản thấy rõ trong bài

tự-tình viết ngày rằm tháng giêng, trong lễ treo đèn tết, và bài thơ khai bút đề *Bắt đầu lên năm mươi tuổi cảm tác* nay còn : bài bát cú trường-thiên gồm 24 câu, trong đó đã thõ-lộ ra những lời nhắn nhủ : « Lòng trung, lòng hiếu không đồng, đều là cùm kẹp. Chết già chết non tuy khác, cũng kiếp phù-du. Sao nên quyến-luyến mãi nước cha mẹ. Cũng chẳng cảm tức kẻ thù xã-tắc. »

Lòng chán-nản cũng không lâu, nhờ sự Quỳnh là một nhà văn *say chữ*. Buồn mà vẫn gò chữ nắn cầu. Trong tập thơ, liền sau bài khai bút nói trên, có một bài *Đường-luật đề Tông ngục ngẫu làm* coi chừng làm vào cuối tháng giêng ấy. Đặc-biệt là thơ làm theo « cách thuận-nghịch », nghĩa là đọc xuôi hoặc đọc ngược đều thành thơ đúng mẹo luật : đọc xuôi văn Nam, đọc ngược văn Tâm. Tuy vậy, trong thơ ấy vẫn viết : « Phòng tối, tịch-mịch, it ngậm vịnh. Nhà tối, sầu người biếng nói cười. »]

THƯ THÁCH CUỐI CÙNG

Tháng 2 (năm ất, Đinh-mùi 1799), các quan thu-thầm bộ Hình, là hai vị ông già họ A 阿 và họ KIM 金 vắng lời đường-quan sai tới thăm vấn. Nhân vậy, Quỳnh có bài bằ đề trình :

« Bằ vì sự kính mong (Ngài) soi xét cho.

« Năm Càn-long thứ 54, theo mệnh ông Phúc Khang-An, chúng tôi bặt-thiếp sang đây. Vốn mong kính núp uy trời, may nhờ ơn nước. Nào nghĩ rằng : dấy hay dưng đều có mệnh, nung và đúc cũng bởi Trời. Dốc hết lòng mà chẳng làm sao được.

« Lúc bấy giờ, may nhờ đức lớn Thiên-triều ban ơn tột mức, bảo chúng tôi cắt tóc và biên tên vào hiệu quân-ki. Đối với lòng nhân-đức cứu sống ấy, chúng tôi cảm-kích không bờ bến. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng kẻ ngu đần mọi rợ không quen phép luật, chỉ ở nề ăn không, thì nghĩa chưa được òn. Vả chẳng mẹ già không kẻ nương tựa, mồ mả tổ tiên không người trông coi. Chúng tôi nghĩ rằng nếu ở lâu ngoài quan sơn vạn dặm, thì rất đau xót tưởng đến cái ơn vô-cực. Vì vậy đã nhiều lần xót kêu ca, chỉ xin được trọn vẹn đạo hiếu.

« Chúng tôi, thân hèn giam cầm, ý định tuy quên ; từ hăm mươi năm, xét lòng biết lỗi. Nay được ĐẠI HOÀNG ĐẾ, ban chính-sách sáng như mặt trời vừa mọc, chiếu khắp chốn tối-tăm ; theo lòng nhân của trời vốn tra cho sống, ban đến đất ðề-hèn. Chúng tôi muốn vãn nhờ các quý-vị Đại-nhân, thế theo lòng lành lớn, cúi xét dũ tấm thương ; xét tình thật mà xá lỗi. Tha ra cho ðem thân xá : về, ðề cho bọn Quỳnh chúng tôi khỏi bị nổi năm luân ðều hồng. Chẳng những lữ sâu kiến sống thừa sẽ được ðội ơn sâu, mà tất cả nhà già trẻ, kẻ còn người khuất,

cũng đều được thắm nhuần...vân vân... »

Ngày 14 tháng ấy, vâng lời đường-quan đề-thăm, lại làm một bài bằ (khác). Lời lược rằng :

« Nguyễn Huệ được phong đã qua một kỉ (: mười năm). Mệnh trời đã định, lòng người đã yên. Thế đổi, thời thay ; đó là lẽ chừng thật không thể làm gì được nữa. Chỉ còn lòng nhớ mẹ thiết-tha, cho nên đã đem tình quê mà kêu ca đau xót. Nếu như ĐẠI HOÀNG-ĐẾ đem đức lớn, nhân dày, xét tình tha lỗi, mở một con đường sống, thả cho đem thân xác trở về để thoát cái vòng mù-tối, thì đối với đức thành-toàn lớn-lao ấy, tuy có nghìn xương xé thịt, cũng không báo được một phần muôn.

« Bọn Quính chúng tôi sẽ xin cắt tóc để tạ ơn trời.

« Và (hoặc) nghĩ rằng chúa cũ là tôi con Thiên-triều, Quính là dân của chúa cũ, thì không những nghĩa và lí đáng phải tránh làm dân Nguyễn Huệ, mà (như vậy) tắc lòng tôi cũng không thẹn. Cúi xin trời che, đất chở, khí xuân nuôi, lòng bề chứa, bằng lòng cho bọn Quính về làm tên dân ở biên-giới Lương Quảng, được qua lại (đường ranh) buôn bán gần chỗ an-trí. May chi được thăm viếng mẹ già và nuôi-nấng, thì không còn điều gì oán tiếc. Nếu sức có thể đem gia-quyển tới ở nội-địa, thì cũng xin được tùy-tiện mà làm... »

Quan tả-thị-lang họ HÙNG 熊 tên MAI 枚 không bằng lòng bốn chữ *qua lại buôn bán*. Rồi lại bảo rằng :

« Phải xin cắt tóc và xin cho ở cạnh doanh An-nam. Nếu không như thế, thì sẽ bị đưa an-trí ở Nhiệt-hà. Chúng anh xin điều nào ? »

Bọn Quính lại trả lời như trước rằng :

« Xin thả ra để đem thân xác về. Được thế thì tình-nguyện cắt tóc để tạ ơn trời. Nếu không được thế, thì xin giữ tóc để hợp lẽ Trời ! »

Bấy giờ, bốn người đều lấy ý mình viết tờ bằ riêng dựa theo lời Quính đã giãi-lược trên. Rồi trông ngóng tin, nhưng không kết-quả. Nhân vậy, cảm-kích, làm thành hai bài thơ — bài thất-ngôn có « *Thân khốn mười năm ôm tiết trắng, Mệnh tùy sợi tóc tỏ lòng son* » ; bài ngũ ngôn có « *Nghĩa lớn nặng nghìn vàng, Thân hèn nhẹ như lá* » — Đem thơ trình hai vị ông già (họ A và họ Kim) xem rồi chuyển trình quan lớn (tả thị-lang Hùng Mai).

Phụ-chú : [Ba năm trước (Bình thìn 1796), khi vua Càn-long nhường ngôi cho con là vua Gia-khánh, ta đã thấy rằng Thanh-triều đã muốn gia-ân thả bọn Quính. Nhưng vì bọn Quính vẫn không chịu cắt tóc, nên việc bị bằng đi. Đến bấy giờ (Kỉ mùi

1799) vua Càn-long mới mất và vua Gia-Khánh mới cầm quyền thật-sự, liền ra tay trị bọn Hòa Thân, cận-thần bênh Quang-trung từ trước. Vì vậy mới có việc tái-thăm vởi ý muốn tha ra. Tuy tinh-thần đã bị dao-động nao-núng nhiều, nhưng Quinh và đồ-đệ vẫn kiên-quyết không chịu khuất.

Hai bài thơ nói trên nay còn chép trong tập thơ của Quinh, vởi đề *Ở ngục ngồi rồi cảm làm*, và có chú thích : hai bài trình quan đề-thăm, chuyên trình ông già tả thị-lang họ Hùng.

Bài thất-ngôn ý là : « Nồi chim cánh bèo gặp thời cùng. Lại đội mũ nam ngạo-nghe vởi góc bắc. Thân khốn muren năm ôm tiết trắng ; Mệnh tùy sợi tóc tổ lòng son. Chẳng chi hay hợp nghĩa lòng không then ; Chỉ vì tìm điều nhân mà mình chịu coi như oán-thù. Sống đã năm chục tuổi mà thành một giấc mộng. Trải bao nhiêu cay đắng mà chung qui vẫn tay không. » Cuối có chú thêm : Bấy giờ nó không cho qua lại, phải ở chỗ nhất. Vậy cảm-kích mà làm nên thơ. Còn bài ngũ-ngôn, ý cũng tương-tự như trên. Nhưng có một vài chữ không được chắc.

Có lẽ hai bài thơ này có kết-quả hay, như sau sẽ rõ.]

Ngày 15 tháng 6, bất ngờ thấy ông già họ PHÂN 樊 tên CẢNH HIỂN 景賢 thuộc Hậu-quân hiệu cờ Nhương-hoàng, đem con Quinh, là Doãn-Thuyên tới trong ngục đề thăm. Lập tức Quinh làm tờ bặ̀m cảm ơn. Lời lược rằng :

« Mười năm bị nhốt trong tối, âm-tín không thông. Không biết lữ con lưu-lạc nơi nao. Bây giờ thoắt thấy con, hoảng-hốt tưởng là chiêm bao. Thế mới biết rằng ơn trời mệnh-mông ; không chấp tội cha ngu-muội, vẫn cho phép con theo chúa sai bảo.

« Tôi cảm-kích không xiết kể. »

Từ đó được thông tin-tức. Về sau, ba người, là Doãn-Thuyên 允揆, Nguyễn Nghiêm 阮巖 và Đỗ Suất 杜率 tới thăm. Nhân tiện, Quinh gửi nhờ mang một bức thư về cho các vị ở hai doanh An-nam đông và tây. Thư rằng :

« Hiên sâu vắng-vẻ, kẻ đã mười năm ; nhận lễ đăm-đăm, tin không một chữ. Nay nhân thuận tiện ; trời tốt vui mừng.

« Kính thưa các vị Quý-đài.

« Duyên may gặp-gỡ ; nghĩa được truy-tùy. Hoặc vịn giá theo vua-gian-quan đất khách ; hoặc trèo non vượt bề, bạt-thiếp gian truân. Chính-khí xông bay ; lòng trung sáng rệt. Tuy so trước đã đẹp bằng Trình Anh, Viên Thuật. Nhưng cũng chưa nổi tiếng như Phạm Lại, Yền Suy. Đó là bởi Trời.

« Còn như tôi : chịu mệnh trong khoảng mặt-vạn lưu-li ; không

HOÀNG XUÂN HÂN

làm thì không trọng mệnh. Cho nên, sức hết kiệt hơn muối đội núi ; nghĩa tối mờ hơn kiến theo đàn. Không quản bảy ngày khóc ra máu mà không tới được sân Tần ; ba tấc lưỡi bày mưu mà không động nổi màn Hán. Rồi khi vua ra chạy thẳng-thốt, không dự truy-tùy ; khi vua đất khá h lễ-loi, không hầu gần-gũi. Đã được yên sống hơn vua ta trước ; (tội tôi) kéo tóc mà đêm cũng không xuề.

« Đến như chuyện bắc-đắc-dĩ đem một sợi tóc để tỏ tấc lòng, chứ có ích cho nước được một mảy lông nào ! Tuy có chín lần chết cũng không dòi, (tính mệnh) bất quá nhẹ như lông hồng mà thôi. Và chẳng, cánh nhạn không thông, nhưng xây thành sào trên vườn đất ; râu rồng chẳng náu, chỉ rơi mưa lệ giữa trời đông. Trên không sánh kịp lòng trung Lí Nhượng-Thủy ; dưới lại hồ người trước mặt các liệt vị Quý-đài. Thẹn đã phụ trời đất ; hồ với người xưa nay. Không những không đủ sánh với bạn bè ; mà chó ngựa của Từ-cung cũng phải nhỏ và không thềm nhìn.

« Nay, nhiều lần được Quý-đài dủ tình đoái hỏi : giật mình khi nghe ném ngọc, tóc rối thêm tươi ; kính hãi được đoái mắt xanh, mũ nam thêm rạng. Tấm thân bị buộc lâu ngày, rất đổi cảm kích, kè không xiết.

« Chỉ mong rằng (liệt vị Quý-đài) trân-trọng giữ-gìn ; ngọc thành gắng đợi. Yên bề tùy ngộ, vận thái không xa. Sẽ gặp ơn trời dầm thấm, mưa móc tràn dào. Tôi tuy trong phòng giam ngục tối, cũng được gột chút sáng thừa. »

Phụ-chú : [Thế là bốn tháng sau khi thăm-vấn, qui-chế giam giữ bọn Quính được nới rộng : cho thông tin và nhận người đến thăm. Bấy giờ phần lớn những người tông-vong Chiêu-thống đã bị an-trí xa, Chiêu-thống và con cũng đã mất sáu năm rồi. Chỉ còn mẹ vua Chiêu-thống (đức Từ-cung) ở An-nam tây doanh cùng một vài tông-thuộc. Có lẽ Doãn-Thuyên, con Quính ở hầu hạ bà tại đó. Còn các trọng-thần thì chỉ còn Đinh Nhã-Hành ở Đông-doanh với một số người ti-thuộc.

Chắc rằng, các vị ấy đã gửi thư sang thăm Quính, cho nên Quính mới trả lời bằng thư trên. Tuy lời khiêm-tốn, nhưng ý vẫn tự-hào, vẫn gọt nắn câu văn, kén chọn điển từ nhắc-nhỡ luôn về sự mình không chịu cắt tóc. Chính cái phong thái ấy của Quính đã làm người khó chịu nên xem chừng ít kể ra. Mà thôi « say chữ » của Quính khiến văn vẫn nặng-nề tuy chỉ trong một bức thư. Thật ra, lối viết thư ngày xưa thường mang tính-cách của một văn biên-ngẫu ; tuy khuôn-sáo không chặt như văn tứ-lục, nhưng cũng đối lời đối ý, dùng điển-tích, dùng thành-ngữ nhiều. Trên đây, tôi đã gắng dịch để giữ nguyên-tinh văn xưa. Sau đây,

tôi giải-thích một vài điểm ý ngầm. Đoạn nói đến các vị thờ ngụ ý rằng kẻ thì chạy cùng với vua, kẻ thì sau trốn ra theo (trở Đĩnh Nhã-Hành), rồi so sánh các vị với người xưa : Trinh Anh (đã chú dẫn), Viên Thuật (người đời Đông Hán, chiếm vùng Dương-châu, tự xưng hoàng-đế, rồi bị Tào Tháo diệt trừ). Tôi không rõ vì lẽ gì Quinh lại lấy Viên Thuật mà so ví với các vong thần. Hoặc bản sao làm chằng ? Hoặc Quinh đã nghĩ đến Lê Duy-Chi là chú Chiêu-thống đã chạy theo Chiêu-thống và bấy-giờ được nối chức-vị Chiêu-thống ở An-nam-doanh ? Dầu sao những điển-cổ Quinh dùng không được gán, nhất là trong bức thư này. Hai tích sau là Yên Suy, Phạm Lại : *Hồ Yến* và *Triệu Suy* là bầy tôi Trọng Nhĩ con vua Tấn đời Xuân-thu, theo chủ trốn ra ngoài trong 19 năm. Sau khi trở về, Trọng Nhĩ thành vua Văn-công rất có tiếng. *Phạm Lại* đời Xuân-thu giúp Việt Câu-Tiền khôi-phục nước. *Điền sản Tần* và *điền mãn Hán* trở Thân Bao-Tư và Trương Lương đều đã gặp nhiều lần. *Điền rêu rồng chẳng niu* trở vua chết không đi đưa cũng đã thấy với thành-ngữ *Đĩnh-hồ*. *Lí Nhượng-Thủy* thị-lang đời Tống, theo vua Khâm-tông khi Nguyên bắt vua về Yên-kinh, mắng giặc rồi bị giết. *Từ cung* : nguyên-văn từ-chúa có lẽ trở mẹ vua Chiêu-thống bấy giờ còn sống ở An-nam tây-doaanh. *Ném ngọc* : rút thành-ngữ ném gạch được ngọc : đây trở lời quý báu của các vị. *Mắt xanh* : tích Nguyễn Tịch đời Tấn trọng ai thì nhìn với con mắt xanh, nghĩa là nhìn thẳng ; khinh ai thì nhìn với con mắt trắng nghĩa là nhìn nghiêng.]

Ngày 13 tháng 8 (năm Kì-mùi 1799), thượng-thư bộ Hình, giữ chức đô thống hiệu cờ *Nhượng hoàng* thuộc Hậu-quân, là quan lớn họ THÀNH 成, tên ĐỨC 德, sai ông già Phàn đem (con Quinh) Doãn-Thuyên đến dỗ, thuyết-lí rằng (nếu nghe lời) thì cha con sẽ đoàn-tụ. Quinh lại làm bầm-vấn, theo ý trước :

« Kính tạ ơn sâu ; tỏ bày lòng thật. Bọn Quinh, bèo trôi muôn dặm, gai nhốt mười năm. Chỉ vì khôn đời lòng ngay, đến đời đắng cay với tiết trinh khó giữ. Vua tôi, cha con đều trở cách ; ấy thật nhân-tình khó chịu nổi. Nay nhờ xét tình rộng lượng, trong khoảng vài tháng, cha con lại được gặp nhau. Lòng lành rộng lớn khiến nên cảm-kích vô cùng. Tuy nghiêng xương xé thịt cũng không đến được một phần muôn.

* « Nghĩ rằng Thiên-triều giáo hóa miền Nam đã một trăm năm mươi năm, thế là đã sâu và lâu vậy. Bọn Quinh chỉ từng theo đời đức-giáo, cho nên không dám lấy tình riêng mà khuấy trọng nghĩa chung. Đến bây giờ đã trải mười năm. Đời thay, việc đời. Nếu có được phép phục thù, thì chưa hẳn còn kẻ thù mà phục. Nếu có được theo chủ cũ, thì lại không còn chủ cũ mà theo. Đối với nghĩa công, đã không thể đạt được nguyên-do của sự mình thờ, lại không dám vì tình riêng cha con trong nhà mà trái với giáo-hóa của Thiên-triều khuyên người trung nghĩa. Cho

nên đã tranh-thủ lưu sợi tóc để tỏ lòng trung. Vốn không dám giầu-giếm mục-đích gì khác.

« Nay con đại tâu thuật lại ân ý của Quan lớn, cao sâu như núi bèo, bảo tôi nếu muốn cha con đoàn-tụ và dốc ý khần-cầu, thì cũng có một con đường cứu sống.

« Bọn Quính nghĩ rằng ơn-huệ không thể đòi, thời-cơ khó được lại. Cho nên nhân nhờ cơ-hội, cầu làm chim sỏ lông, làm trâu liếm nghé. Nhưng vẫn muốn sống thừa cùng đầu bạc ; há chịu trước khi chết đòi lòng son. Nếu được (Quan lớn) soi xét, thì ơn đặc-biệt, để cho cáo chết, kiến sống được vẹn lòng nguyện. Ấy thật nhờ cái đức thành-toàn của Quan lớn vậy. »

Phụ chú : [*Nhương-hoàng tinh* là hiệu quân mà vua Chiêu-thống và các vị vong-thần đều lệ-thuộc. Ý Thành Đức là để nếu chịu cao tóc thì sẽ được tha và sẽ bỏ chức tại doanh An-nam như những vong-thần khác. Tuy lời đáp của Quính bớt phần ngạo-nghe, nhưng ý vẫn vững. Những lễ đem ra có vẻ thành-thật và gần nhân-tình : xin làm chim sỏ lông, làm trâu liếm nghé. *Trâu liếm nghé* là thành ngữ tỏ cha già thương con trẻ. Tờ bầm này có lẽ làm chuyển lòng thương thư Thành Đức, nếu ở câu cuối, Quính không gì tặc say chữ đem tên húy của quan lớn này ra mà nói khích, bằng câu « Thật lại Đại-nhân thành toàn chỉ đức hỉ 實賴大人成全之德矣 ». Nhưng Đại-nhân cũng không giận, cho nên hai tháng sau lại cho người dỡ một lần nữa.]

Ngày 23 tháng 10 (năm Kỉ-mùi 1799), ông già PHÀN đem DOÃN THUYỀN tới, lại đem lời Quan-lớn dỡ như trước. Gia-nhân là NGUYỄN NGHIÊM, ĐỖ SỰẤT cũng theo tới PHÀN lại nói :

« Trong ngục là nơi cấm, không dám đem nhiều người tới. Còn có NGÔ VŨ, PHẠM VIẾT-CANH, TRỊNH ĐỨC-BỒI, ba người nữa đứng ngoài. Hôm khác sẽ đem tới. »

Vẫn như trước, Quính có lời bầm, nhờ chuyển đạt :

« Ngưng cầu Thánh xét. Trộm nghĩ bọn Quính, cô-thần đất khách, giam cầm mười năm. Nay mong Quan lớn đoái thương, đã nói giam cầm, để được bày tình trâu liếm nghé ; lại hứa mở cho đường sống, được thoát ngục tù. Chiếu nơi kín, soi chỗ ần. (Khác nào) mặt trời mùa đông, gió ấm ngày xuân. Bọn Quính cúi đầu nhận ơn, lòng cảm-đời kẻ không xiết. Vì vậy, dám mạo-muội bày tỏ lòng què.

« Năm Càn-long thứ 54, bọn Quính vào Thượng-quốc, vốn muốn nhờ cậy oai Trời, để mưu khôi phục. Gặp phải lúc ông lớn PHỨC biện-lí việc phong Nguyễn Huệ, nên đến đổi bắt giữ bọn Quính rồi giải

tống (đến đây). Bấy giờ may được ĐẠI HÀNH Thái-thượng Hoàng-đế xét thấu tình mọn, tha không bắt tội. Lại nhiều lần các quan bào cãi trang thì được hưởng ơn to bỏ dụng. Bọn Quính đã nghĩ rằng cứ giữ quốc-phục cho tiện là lời thề mãi chẳng quên. (Cho nên) đã thẹn phụ ơn Vua, tự mang lấy họa, hãm mình vào ngục từ đó đến nay.

« Tháng 2 năm nay, lại được quan lớn Bộ-đường điện-dụ rằng : nếu cắt tóc thì được ở doanh An-nam, để tóc thì bị an-trị ở Nhiệt-hà ; chúng bay muốn đường nào ? Bọn Quính trộm nghĩ rằng : đã là bầy tôi trên đất khách may được tha tội, thì khắp trên thiên-hạ đâu cũng có thể ở. Nếu không ở doanh An-nam thì nay đang ở Bắc-sở ; ở Nhiệt-hà còn hơn ở Lạnh-son. Nhưng đã là nhờ bầy tôi mắc tội mà còn được ngồi nề ăn không ; ấy là nhờ đức lượng rộng của Thiên-triều, chứ đừng đưa danh-nghĩa ra mà nói lí. Song le nhà con mẹ già, không ai mà nương tựa. Lòng thì có hướng, nghĩa cũng chưa yên. Nếu đã được hưởng lòng nhân tha lỗi, mà lại được thỏa nguyện nhớ nhà, thì mưa móc có thừa. Lá rể đều tốt ; bề sông nhuần thấm, xa gần đều tươi. Nếu chỉ vì thân mà tìm kế ở lại đây, thì trung đã không toàn, mà hiếu cũng hỏng. Không những sẽ ôm hận suốt đời, mà còn làm trái lòng vua lấy hiếu trị dân. Bọn Quính khăng khăng xin về đất nhà, chỉ bởi có ấy, chứ không có lẽ khác.

« Nhưng hoặc cho rằng nếu thả ra, thì bọn Quính hoặc sẽ làm xằng gây loạn, hoặc sẽ bị Nguyễn Huệ làm hại. Nghĩ như thế là vô lí. Hãy thử nghĩ. Nguyễn Huệ đã truyền ngôi một đời ; mệnh Trời đã định, lòng người đã yên ; cảnh vật biến dời, non sông đổi trạng. Hướng chi : Bình-vương đã chết, vậy hết kẻ thù ; tuy còn thân xác có thể đánh, nhưng cũng phải lấy tài Ngũ Tử-Tư mới có thể mưu đồ rửa giận cho Ngô. Hàn Thành đã mất, thì hết chỗ trông. tức là không người mà giúp ; tuy có trí Trương Lưu-hầu, cũng chỉ phò nhà Hán dấy lên. Bằng nay, lòng thế xét thời, nếu có trí-tuệ, cơ-sở, thì cũng chẳng làm sao cử động được. Hướng chi kẻ ngu này, tay không lại dám làm trò còn bướm đớp lửa sao ? Không những bọn Quính không dám làm xằng, mà cũng chẳng thể làm được.

« Và chẳng, từ khi Nguyễn Huệ lấy được nước đến nay, phạm những bầy tôi và dân nhà Lê, trừ những người tử trận, thì những kẻ đã bị giết chỉ là đồ ngoan-ngạnh phản-bội mà thôi. Tức như những người mà Trung-quốc thả cho về thì chưa hề bị hại. Và chẳng Quính, thân đơn tuổi già, chịu yên phận-mệnh. Không những nó không nhẫn-tâm giết, mà nó cũng không thêm giết. Phương chi lòng nó sợ mệnh Thiên-triều mà không dám tự-tiện giết. Dù may mà Nguyễn Huệ không

HOÀNG XUÂN HÃN

giết, thì sống làm dân sót của nhà Lê, Quỳnh cũng có thể thỏa lòng chim (nhớ tổ) mà không giận. Dù không may mà bị Nguyễn Huệ hại, thì chết ở đất cũ nhà Lê, Quỳnh cũng được toại nguyện cáo (chầu gò) mà không thẹn. Nguyễn Huệ làm hại hoặc không làm hại, là bởi bọn Quỳnh may với không may ; ý chừng không liên quan đến cách trị dân của Thiên-triều nặng hay nhẹ.

« Vả lại, lấy rợ trị rợ là phép sẵn của các vua đời trước; rộng lượng vô cùng là điều thánh để dụng-tâm. Hoặc có kẻ lánh nạn đã vào đầu-ngụ, thì thương mà đặt ở yên; ấy là rất nhân. Hoặc có kẻ khần-khoản đã xin về, thì xót mà tha đi; ấy cũng là rất đức. Hóa-công nung đúc, tùy theo vật mà tạo hình. Há lại có hững-hờ về sự ấy sao ! Rất mong (quan lớn) tìm lí trong tình, ban ơn quá phép, thì bọn Quỳnh, từ nay đến trước đều đội ơn Đại Hoàng-đế đã cho sống lại.

« Cúi nhờ Quan lớn thương đến tấm lòng thành-khần của kẻ cô-thần, cần nhắc điều cô-thần đã mang tội nhưng đã được xá, mà tâu xin cho về dưỡng lão. (Được thế thì) bụng khoan-hồng cũng-cố ngũ-luân, phong-hóa bốn phương càng đẩy động; mà cả nhà Quỳnh, kẻ còn người mất, đều hưởng cái lượng từ-bi rộng lớn vô cùng. Kẻ bầy tôi ngu muội này sợ hãi không kể xiết. »

Phụ-chú : [Lần này, lời lẽ Quỳnh khiêm-tốn, không nhắc chuyện giữ tóc nữa, nhưng li-luận vẫn cứng-cáp đường-hoàng. Sau đây, một vài chú-thích về diên-cổ : *Tình trâu liếm nghé* : tình cha già nuôi-nấng con trẻ *Đại-hành hoàng-đế* : tôn-hiệu trở vị vua mới mất chưa táng ; đây trở vua Càn-long mất vào tháng giêng năm Kỉ-mùi ấy. *Lạnh sơn* : núi ở vùng bắc Mãn-châu. *Bình vương* : là tước Nguyễn Huệ tự tôn trước khi xưng đế (trong thư viết cho Nguyễn Thiếp năm 1787 đã thấy. Xem La Sơn Phu-Tử trang 105). *Ngũ Tử-Tư* : người nước Sở đời Xuân thu, cha và anh bị vua Sở Bình-vương (Quỳnh cố ý dùng sự trùng tước hiệu này) giết, cho nên chạy sang nước Ngô giúp đánh Sở chiếm kinh-đô. Lúc ấy Bình-vương đã mất. Tử-Tư sai quật mồ rồi sai đánh thây ba trăm roi. Hàn Thành, dòng vua nước Hàn đời Chiến-quốc. Nước Hàn bị Tần diệt, Trương Lương (tức Lưu-hầu) rình ám-sát vua Tần, nhưng đánh lầm xe, nên chạy theo Lưu Bang (Hán) làm quân-sư để đánh Tần. Rồi tìm được Hàn Thành lập làm Hàn-vương. Hàn diệt Tần, nhưng Sở Hạng-Vũ lại giết Hàn Thành.]

Tháng 11 (năm ấy Kỉ-mùi 1799), bọn Quỳnh nghe tin Quốc-mẫu mất, đã đến ngày táng. Quỳnh bèn gửi thư cho Tá-linh-công — Lê Duy-Chi, chú họ vua — và cho các vị ở hai doanh Đông và Tây.

Thư rằng :

« Chúng tôi Lê Quỳnh, Lê Trị, Trịnh Hiến, Lí Bình-Đạo, kính nhờ mảnh giấy, bộc-bạch tấc lòng :

« Lúc xưa không quản nông sâu, những muốn mưu nhờ sức hổ —
Sau lại không nề nặng nhẹ, hóa không giúp được hai rồng

« Hằng lo thần-tiết khuyết nhiều — khôn liệu hóa-cơ khó đoán.

« Thuở nọ non Tây chìm vầng nhật, tắc bóng khôn trông.

— Ngày nào mây tối rụng ngôi sao, nửa tin chẳng thấu.

« Ôi ! ngóng lại, xa đường nghìn dặm đất — Ngắm rào vầy, đen quá chín từng mây.

« Một mai, may được đội ơn to, giam cầm mới nói — Mấy độ, những mong chờ bóng nhận, âm tín vừa nghe.

« Kinh-hải tan man-mác tâm hồn—Buồn-bã chảy chứa-chan dòng lệ.

« Ngày trước, Đỉnh-hồ mây lấp, đã từng không níu lại râu rồng —
Thình lình Bảo-vụ sương che, lại không thể tiến đưa giá hạc.

« Tin dữ, nghiêng tai nghe xót — Lòng đau muốn vướng không được.

« Xe mây cao ngắt ở nơi nao, quay tới khom mình xa lạy — Rào ngục phục phải đầu là tang-điểm, thôi đành xõa tóc theo lề.

« Đã hay lẽ chế nhiều sai — Ý cũng hiểu trung đều lỗi.

« Ô hô !

« Cô-thần lâu nhất, chỉ thiếu một chết mà thôi — Đại-nghĩa thẹn nhiều, đã dứt năm luân hết thấy.

« Người mà đến thế—Trời nỡ làm sao !

« Nay nhân hạ huyết đến ngày, xa theo đạo tở — Cần biện sấp hương vật mọn, đề tỏ lòng tở.

« Cúi mong dữ soi tình-khúc, vì chúng tở mà tiến giùm. »

Bọn Quỳnh ở trong ngục khóc. Người ta nghe đều cảm động.

Phụ chú : [Bức thư này cũng là một bài văn tế, dùng lối văn hiển-ngẫu, có niêm-luật. Tôi cũng đã dịch nghĩa theo phép văn ấy. Sau đây là một vài điểm chú-thích :

Lê Duy-Chi 祇 : có lẽ cũng là Lê Duy-Trị 治 hay là Phở 溥 người mà Quỳnh đã đoán chừng là chú họ vua Chiêu-thống (xem trên, vào khoảng năm Qui-sửu 1793). Nguyên là vua Thanh ban cho Chiêu-thống chức ta-lĩnh với điều-kiện là chức ấy sẽ được truyền đời đời. Sau khi Chiêu-thống mất, kẻ nối vị Chiêu-thống thì chỉ còn người chú này mà thôi, cho nên người ấy cũng được nối chức tá-lĩnh.

Hai rồng : trở vua Chiêu-thống và bà Thái-hậu.

Chìm vầng nhật trở vua Chiêu-thống mất. *Rụng ngôi sao* trở Thái-hậu mất. Sao đây trở sao Nữ, cũng gọi là sao Chức-nữ, hay là sao Vụ-nữ, tiêu-biểu đàn bà qui.

HOÀNG XUÂN HÃN

Đỉnh-hồ... níu râu rồng : trở sự không tống tang vua được. *Bảo-vụ* hoặc *Báu-vụ* tức là sao Vụ-nữ đã dẫn trên. *Già hạc* : xe hoặc kiệu mà chim hạc kéo lên trời. Về này nói không đưa tang Thái-hậu được.

Xõa-tóc : tục-lễ con đưa tang cha mẹ thì xõa tóc. Đây Quính cố ý nhắc sự bọn Quính còn giữ được tóc. *Tang-diếm* : nhà dựng tạm bên mộ để làm lễ trong đám tang.]

RA NGỤC RỜI VỀ NƯỚC

Ngày mồng 4 tháng 4 nhuận năm Canh-thân, Gia-khánh thứ 5 (1800), bọn Quính được thả ra khỏi ngục, dời đi ở cách phía tây Kinh-thành mười hai dặm, tại xưởng Lam-dinh an-trí ở doanh Hòa-khi ngoài. Đầu tóc, ăn mặc được phép tự-do. Phần-mộ chúa cũ, được phép thăm viếng. Con cái được phép qua lại.

Quính liền làm một bài thơ, trình quan bộ Hình và quan coi ngục — thơ có câu rằng : *Kéo tóc khôn đến mưa móc mới ; Ngánh đầu sợ phụ núi sông xưa.*

Tháng 5, quan coi doanh Hòa-khi là Định thân-vương — tên Ân — tới diện dụ rằng :

“ Nay vâng ân-diền của Hoàng-thượng, cho các anh ở đây ; giao các anh cho ta coi sóc để được tốt lành. Về phí-tồn ăn, tiền phụ-cấp thì có Hậu-quân Nhương-hoàng-tinh phát. Các anh hãy ở yên, tuân lời, đừng làm việc trái. ”

Phụ-chú : [Thế là gần sáu tháng sau khi Quính đưa tờ bằ xin tha, bọn Quính mới được thả ra khỏi ngục, nhưng vẫn bị an trí gần Bắc-kinh, và cũng được hiệu cô Nhương-hoàng cấp-đường như các người đồng bang ở An-nam doanh. Bài thơ nói đến trên còn chép trong tập thơ với đề : *Ra ngục cảm lam* và dẫn y như lời trong bài kí. Ý thơ là :

Đội mũ phương Nam có kẻ bị giam buộc hơn mười năm.
Nay được nuần thắm dồi dào ơn từ Trời rơi xuống.
Kéo tóc khôn đến mưa móc mới,
Ngánh đầu sợ phụ núi sông xưa.
Hồn trung ngày khác sẽ bù đáp những ơn tiếp tục.
Tiết khắc-khổ giữ đến ngày nay cho nên chí cũ toàn.
Mặt trời đỏ vừa lên từ trên cao chiếu soi xuống,
Khiến nên ở xứ Kì-bắc (vùng Bắc-kinh) có chim cuốc kêu.]

Tháng chạp, Quính lại qua vườn *Bắc tân*, quét gợn lãng tằm trong vườn ấy (mộ Chiêu-thống, mẹ và con vua). Chỉ thấy vài ngôi mộ, nắp dưới bóng mấy cây trong rừng du. Khóc nức nở thút-thít rơi hạ chén rượu nếp. Mắt khôn cảm giọt lệ như mưa trên núi Giá. Lòng mệnh-

mang gửi đến đám mây sầu trên sông Nhị.

Quính bèn bàn với *Tá-lĩnh công* nên lo mang xương Chúa về nước mà táng. *Tá-lĩnh công* nói : « Đó là lời hối của Chúa ta ; tôi còn nghe dinh-ninh dặn lại ở bên tai, làm xót-xa trong lòng. Nguyễn chúng ta cũng y như vậy. Chúng ta hãy tính-toan kĩ-lượng. »

Phụ-chú ; [Đây là lần thứ hai, Quính đi viếng mộ vua Chiêu-thống. Trong tập thơ, Quính còn đề lại một bài *Cảm-tác* làm trong khi đi viếng lần đầu vào ngày mồng 8 tháng tư nhuận, nghĩa là chừng tám tháng trước... Bài thơ ấy đề là *Viếng mộ chúa cũ về cảm làm*. Lại có tiêu-dẫn rằng : « Vườn mộ chúa cũ là Vua Lê ở phía đông Kinh-thành. Mộ ở phía bắc trại Bắc-tân 北 津. Bốn ngày sau khi ông (trở Quính) ra khỏi ngục, thì qua viếng tất cả các mộ. Doanh Hòa-khi phái binh mã theo đưa. » Sách *Hoàng Lê nhất thống chí* nói mộ ở chỗ khác. Lời sách ấy rằng : « Vua Thanh sai lấy lễ tước công đem táng ở Quảng-lăng ở ngoài cửa Tây-trực. Đất rộng ba mẫu, ngoài bọc rào cao. Các bầy tôi tông-vong đều ăn mặc theo lễ chế... » Quảng-lăng có lẽ là tên cái lăng, vì các lăng vua đều có đặt tên riêng, như Vĩnh-lăng là mộ Lê Thái-tổ, Hữu-lăng là mộ vua Lê Thái-tông. Đây Quảng-lăng có lẽ là tên lăng mà các bầy tôi vua Lê đặt ra. Sự ấy không trái với tên đất *vườn Bắc-tân* mà Quính chép. Nhưng về phương-hướng thì cửa Tây-trực là một cửa ở phía Tây-bắc Kinh-thành, còn Bắc-tân thì Quính nói ở phía Đông.

Về *Tá-lĩnh công*, thì như đoạn trên đã chú-thích, ấy là Lê Duy-Chi chú họ vua Chiêu-thống đã được nối chức của Chiêu-thống, và là chúa của người Việt trung thành với Lê *Hoàng Lê Nhất thống chí* có chép rằng Chiêu-thống nhận con Lê Như-Tùng là Lê Huy-Vượng làm con nuôi sau khi con mình mất và đổi tên ra Lê Duy-Khang ; rồi sau khi Chiêu-thống mất, Lê Duy-Khang được nối chức *Tá-lĩnh công* (1793). Đọc qua thì hình như có sự sai lệch giữa hai sách về tên *Tá-lĩnh-công*. Nhưng có lẽ hai sách đều chép đúng. Có lẽ Lê Duy-Khang cũng mất sớm, vì sau này không thấy đâu nói đến y cả. Tám năm sau (1800), Lê Duy-Chi lại được nối chức ấy.

Về lời trời của Chiêu-thống, *Hoàng Lê Nhất thống chí* có chép rõ rằng : « Bấy giờ vua bệnh càng nặng ; bèn triệu các thị-thần để trao lời dặn trời lại. Rằng : « Ta gặp việc nhà không thành, đã không hay giữ xã-tắc, phải chạy ra đất người để lo hưng-phục. Rồi lại bị tội gian-quyền bán rẻ. Uất-uất đến thế này, mang giận mà mất. Ấy thật bởi Trời. Ngày sau nếu các khanh được về nước thì nên mang xương tàn tôi về phụ táng ở sơn-lăng các Thánh, để làm rõ chí ta. Các khanh nên ghi lấy rồi truyền cho mọi người biết. »]

Đầu xuân (1801), hết tang Quốc-mẫu. Ấy cũng là một cơ-hội

HOÀNG XUÂN HÃN

(nhóm họp). Quỳnh bấy giờ nói chuyện ấy cùng các người nước ta. Họ đều đồng ý. Rồi Quỳnh soạn bài bằ, lược rằng :

« Nhà Lê tan mất, tôi phầ hèn mọn, được nhờ ơn cấp dưỡng mà ở rồi. Không có cách gì báo đáp, xấu hổ không xiết. Huống chi mẹ già tôi còn sống, không kẻ tựa nương. Nếu trộm sống ở đây, tội bất hiếu đã lớn, mà nghĩa chúa tôi càng có chỗ chưa yên.

« Hiện nay, (nhà) chúa cũ ở đất khách là mấy năm mồ cô quạnh. Sống đã không thể quay xe nhuộm bụi trở về, mất thì hồn lại không thể yên nơi lữ-huống. Tôi những xót-xa nghe kể rằng chúa cũ lúc sắp mất đã dặn mang hài-cốt về phương Nam. Huống chi Từ-cung lúc lâm chung đã thiết-tha với ý quày đầu về bắc. Tôi than xót vì khó báo đáp cho kẻ ở Suối-vàng. Nếu bọn Quỳnh không cáng-đáng lấy việc ấy, thì xấu hổ rất lớn.

« Trước đây, chúng tôi đã đem lời xót-xa xin được đem xương mình về nước. Nhưng vì nước An-nam đã thuộc về Nguyễn Huệ quản, thì chưa tiện thả cho về. Vì sự ấy, tôi xin kể rõ tình hình (trong nước), ngẩng mong nhờ soi xét.

« Nguyên là nước tôi đất đai gồm mười sáu đạo. Từ thừa nhà Lê trung-hưng đến nay, dòng dõi kẻ bầy tôi cũ đã có công-lao lớn, là Chiêu huân công Nguyễn Kim, đời đời giữ đạo Quảng-nam được hơn hai trăm năm. Từ khi Nguyễn Huệ chiếm-cứ Kinh-đô nhà Lê, thì anh nó là Nguyễn Nhạc chiếm giữ thành Bàn-xà — tức nay Bình-định — thuộc đạo Quảng-nam, và chống trợ với nó. Dòng-dối người công-thần xưa kia còn giữ được các đất thuộc đạo Quảng-nam : xứ Đồng-nai và núi Phú-quốc, ý là muốn trông ngóng vào Thiên-triều từ lâu. Nhưng vì đất xa phạm nhỏ, cho nên chưa đạt thấu lòng thành tu cống. Nhưng từ bờ bề Lương Quảng về nam, không ai không rõ việc ấy.

« Nếu được Đại đức dũ lòng thương, thì cho xin phép bọn Quỳnh đem hài-cốt chúa cũ về trước hết (để tạm) ở Quảng-đông. Rồi giao cho quan coi địa-phương biện-lí. Hoặc sai người hộ-tống hài-cốt ấy giao cho kẻ cầm đầu họ Nguyễn ở xứ Đồng-nai, hoặc cho phép hai ba người trong bọn Quỳnh chuyên báo cho địa-phương Đồng-nai Phú-quốc. Đất ấy thì nhân-dân còn là dân sót lại của nhà Lê xưa ; phía bắc có Nguyễn Nhạc ngăn cách, đối với Nguyễn Quảng-Toàn — con Huệ — hoàn-toàn không dính-líu. Đưa về đó mà làm việc chôn cất xương khô, thì sự mong-ước cô-đơn của Chúa cũ sẽ hoàn-toàn đạt. Về đó, giữ mồ (vua) vừa nuôi mẹ, thì lòng ước-ao nhỏ mọn của bọn Quỳnh sẽ toại. Chẳng những chỉ bọn Quỳnh đội đức tái-tạo của Đại Hoảng-Đế, mà tất cả

người nhà Lê, chúa và tôi, kẻ còn và người khuất đều được nhàn nhàn vô cùng. »

Năm Tân-dậu, Gia-khánh thứ 6 (1801), tháng 2, bọn Quỳnh đem tờ bẩm ấy đệ lên Định thân-vương. Thời giờ qua ; mà không thấy trả lời. Bọn Quỳnh lại đem số tiền lương được ban đề ăn uống mà (trả lại) chứ không chịu nhận.

Tháng 9, thấy quan lớn sai bốn ông già lớn là các tham-linh họ Cao, họ Vương, họ Chu và họ Hà đến chỗ trú bảo rằng : « Tiền lương ấy, không được từ. »

Từ đó, bọn Nguyễn Nghiêm, Đỗ Suất, Trịnh Đức-Bồi và Phạm Viêt-Canh mới được qua lại ; và cũng bỏ sự cấm phòng.

Phụ-chú : [Đầu năm Tân-dậu (1801), Nguyễn Ánh đang tấn công quân Tây-sơn ở cửa Thị-nại (Bình-định) và các tướng Võ Tánh và Ngô Tùng-Chu đang bị vây trong thành Qui-nhon. Còn Nguyễn Nhạc thì đã mất rồi (1793), và quân Nhạc cũng tan. Bọn Quỳnh không biết rõ chuyện nên trong tờ bẩm trên (1801) còn nói đến phần đất của Nguyễn Nhạc.

Còn tình-trạng bọn Quỳnh ở doanh Hỏa-khi thì tuy được cấp dưỡng-phi, nhưng vẫn bị an-tri. Trong bài thơ *Cảm-tác* sau khi đi viếng mộ Chiêu-thống, Quỳnh nói : « Chỗ nhốt mấy tù u-âm cũng như chốn Chín suối. Tuy được ra ngoài ở phụ-cận Kinh-thành nhưng cũng là tù Yên-kinh ».

Bấy giờ triều-đình Thanh còn tưởng thế Tây-sơn vẫn mạnh, nên đã không trả lời tờ bẩm của bọn Quỳnh. Bọn Quỳnh vẫn khảng-khại đến cùng, bèn nộp lại tiền dưỡng-phi. Theo Bùi Dương-Lịch (sách *Nghệ-an chí*), thì mỗi tháng Quỳnh được cấp ba lượng bạc một thạch gạo. Có lẽ bấy giờ đang còn chút ít tiền túi. Nhưng chẳng bao lâu tiền hết lương cạn. Muốn xin đi về Kinh, có lẽ đề cầu-cứu các vị ở doanh An-nam, thì lại không được phép. Tình-cảnh xem ra bi-đát lắm.

Tập thơ Quỳnh còn chép một bài đề : *Tháng sáu mưa dầm lương hết lại nghe bão không cho đi Kinh, ngẫu-tác*. Đại ý nói : « Lối cầu Lam bị đứt, buổi sáng mưa dầm. Trong đám bùn lầy, thời gian qua... Tiền mà không có rượu thì lấy gì nhuận miệng. Phạt không có bánh không để để bụng không. Chốn Ngọc-kinh có phải là nơi gò-ghề đâu. Những mong có kim chỉ-nam đem xe về ». Tình-cảnh ấy kéo dài đến tháng chín, khi Định thân-vương cứu mà không làm mất thế-diện bằng cách ép phải nhận tiền phụ-cấp và cho đi lại tự-do hơn trước

Sau đó đời sống được dễ chịu hơn và các bạn-hữu trao đổi thư từ, trao thơ xướng họa. Trong tập thơ Quỳnh, ta còn thấy những bài thơ Quỳnh họa trả lời Đình Nhã-Hành, và hai người Thanh. Dưới đề *Họa nguyên vận của ông Đình Nhã-Hành*, có lời

dẫn và bốn bài Đường-luật họa một bài thơ của họ Đình. Lời dẫn nói : « Mười năm bị khổ, mong thấy trời xanh. Xảy lúc nhuần ơn, tưởng tròn ý nguyện. Nhưng Hóa-cơ khó đoán. Đen nhuộm khó tươi. Vừa ra khỏi lưới thị-phi, lại nhốt phía ngoài Lam-dinh. Lòng son chưa tỏ, sống thác hề chi. Chiếc bóng nhờ đâu, cương-thường mất sạch. Ta đã phụ lòng mong đợi của ông anh, hồ thẹn không còn mặt mũi. Lại đội ơn đã ban cho một bài thơ hay và mấy đồ văn-phòng. Tôi càng thấy lòng xót nhau yêu nhau. Nhân vậy, xin theo nguyên-vận họa thành bốn bài đề dâng lại làm trò cười ». Trong mười một bài thơ họa này ý cũng không ngoài sự than thân thể bị đầy đọa nơi tù ngục, lòng nhớ nước tiếc vua.

Cuối cùng có một bài thơ đề *Tháng chạp mặt trăng lên sau khi tuyết rơi ngẫu tác* tả cảnh trước cảnh thiên-nhiên đẹp đẽ, Quỳnh cũng có lúc quên sầu muộn. Ý thơ là : « Nhìn qua cửa sổ, ánh sáng lạnh lẽo khiến người rét khó chịu. Tuyết và bóng trăng đổi mới cảnh. Vừng quế mới lên, tương treo màu biếc. Hoa mai rụng khắp, viện tràn nước bạc. Ánh nổi trên mái nhà như vàng tương dàn-dũa. Bóng chiếu xuống màn cây như lụa treo um tùm. Tiếng thanh-la dứt rồi, người thấy quạnh-hiu yên-lặng ; tỉnh ra thấy chiếu vào lòng trần thú vui trên tiên. »

Không rõ bấy giờ là cuối năm Tân-dậu (1801) hay Nhâm-tuất (1802). Đây là triệu chứng bọn Quỳnh sắp được rất vui lòng.]

Năm Quí-hợi, Gia-khánh thứ 6 (1803), tháng giêng, nghe tin rằng vua An-nam Nguyễn Quang-Toàn từ năm ngoái đã bị quốc-trưởng nước Nông-nại — tức là đất Đổng-nai — là chúa Nguyễn giết rồi. Được nhà vua ban dụ cho trong ngoài đều biết.

Đến tháng hai mới được tin thật. Quỳnh bèn làm tờ bằ, khăn-khoản xin về quê quán, gõ cửa xin Định thân-vương chuyển tâu. Lời bằ lược rằng :

« Trộm nghĩ rằng ngày trước bọn Quỳnh tới đây là vì sau khi họ Lê bị sập đờ, muốn lo khôi phục. Nhưng hưng vong có mệnh ; không thể kéo trở lại được. May nhờ Đại Hoàng-đế thương đến kẻ sĩ trung, cho giữ trang-phục cũ, ở rồi ăn lương. Khi mùa xuân ấm tràn vào, bọn Quỳnh cảm-kích không bờ bến. Sầu kiến được sống thừa, đã quá điều mong ước.

« Nhưng nghĩ rằng đã phụ ơn Trời, một mảy không báo đáp. Luống ngồi rồi ăn không, hồ thẹn kẻ không xiết. Và chẳng tình thâm chưa dứt, nghĩa lớn khó quên. Thật vậy, từ khi bốn người bọn Quỳnh mang tội đến nay, chúa cũ đã mất, hi-vọng cáo về gò đã dứt, mà con gái chúa (?) để lại, phó thác không ai. Và chẳng mẹ già bọn Quỳnh còn sống, không có ai đề mà nương-tựa ; hoặc đều không anh em, hoặc chưa có con cái. Nếu trộm sống ở lại đây, thì nghĩa chúa tôi chưa yên, mà tội bất hiếu càng lớn.

« Nay trộm nghe ngoài đường sá đồn rằng Nguyễn Quang-Toản đã không hay giữ nước, chúa Nguyễn cầm đầu nước Nông-nại đã vì tiên-tổ phục thù và đã sai sứ mang biểu tiến cống, (và rằng việc ấy) đã được tâu lên Thiên-triều. Bọn Quính nghĩ rằng Nông-nại tức là Đồng nai thuộc Quảng-nam. Người cầm đầu là dòng-dôi quan phụ-chánh nhà Lê, là Chiêu-huân công Nguyễn Kim. Người ấy cùng chúa cũ tôi chung một kẻ thù, chứ không có hiềm gì với nhau sớt. Vậy bọn Quính có cơ trở về, có đất ở yên.

« Nếu được Thiên-triều sắc cho về nguyên-tịch, thì tức là bắt người rợ nước ngoài đi an-trí ở đất ngoài. Đã khỏi làm dây bần nước y quan văn-vật, mà bọn Quính cũng sẽ nhờ vậy được nuôi kẻ sống, tiễn kẻ chết, may còn giữ trọn mối nhân-đạo và càng được thấy ý sâu của Trời ban ơn vô-về thương-xót.

« Rất mong đức Vương làm ơn, cặn-kệ tâu lên để nhà Vua biết. May gì được Đại-đức dữ lòng thương, bằng lòng nhận lời xin, đưa hình phách bọn Quính, kẻ sống và người chết, giao cho quốc-trưởng nước Nông-nại chiếu-linh. Được thế thì nguyện chúa cũ mong muốn theo cáo châu gò sẽ đạt, mà lòng bọn Quính ước-ao theo quạ nuôi mẹ cũng cam.

« Trong mười lăm năm, bọn Quính được nhờ lượng bao-dong. Đã (có tội) không lấy lại nước trong tay địch được, mà từ rày lại làm được thương-vì ; khiến không đến đổi trung hiếu đều khuyết, lại càng tỏ rõ trung nghĩa gồm tròn. Trước sau thành toàn, đều nhờ lòng nhân Đại Hoàng-đế đùm bọc che chở, không thể tả ra được. »

Phụ-chú : [Trong hai năm, bọn Quính ở doanh Hỏa-khi, chiến-cuộc trong nước biển chuyên rất chóng. Trong năm Tân-dậu (1801), nhờ Võ Tánh cầm giữ lũy-đoàn tinh nhuệ Tây-sơn chung-quanh thành Bình-định, thủy-quân của Nguyễn Ánh sau khi phá hạm-đội Tây-sơn ở cửa Thị-nại (tháng giêng) vượt bể tiến ra lấy vùng Quảng-nam (tháng 3), lấy Phú-xuân (mồng 3 tháng 5), đuổi Quang-Toản chạy ra miền Bắc, bỏ lại những sắc ấn của vua Thanh đã ban cấp. Cuối năm, Quang-Toản đem quân vào phản-công ở vùng sông Gianh, bị thua to. Đầu năm Nhâm-ti (tháng giêng, 1802) Nguyễn Ánh rút quân về Phú-xuân để đợi dẹp yên vùng Bình-định. Tháng 5, sai Trịnh Hoài-Đức Ngô Nhân-Tĩnh và Hoàng Ngọc-Uần đi đường biển sang Quảng-đông báo-cáo với vua Thanh sự Quang-Toản đã bỏ rơi sắc ấn, xin đem nộp những vật ấy và xin tiến cống. Vua Gia-khánh nhận đồ nộp, nhưng lưu sứ ở lại Quảng-đông ; ý chừng để đợi xem thời-cuộc nước ta kết thúc ra làm sao.

Một mặt khác, Quang Toản cũng sai Lê Đức-Thận, Nguyễn Đăng-

Sở và Vũ Duy-Nghi sang Thanh cầu viện. Thế mà triều-đình Thanh vẫn im-lìm không trả lời tờ bẩm của Quính viết vào mùa xuân năm Tân-dậu (1801). Tháng 5 năm Nhâm-tuất (1802), đại-quân Nguyễn Ánh kéo ra Bắc, quét sạch các quân tướng Tây-sơn dọc đờng. Tháng 6 đến Thăng-long. Tất cả vua và tôi Quang-Toản đều bị bắt. Tháng 7, sai người sang báo tổng-đốc Lương-Quảng và bàn định việc cầu phong. Vua Gia-khánh bằng lòng cho sứ-bộ mới, gồm *Lê Quang-Định*, *Lê Chính-Lộ* và *Nguyễn Gia-Cát* họp với phái-bộ trước gồm bọn Trịnh Hoài-Đức cùng tiến Bắc-kinh. Lại đuổi phái bộ Tây-sơn về nước (*Đại-nam Thất-lục* Chính-biên đệ nhị kỉ, quyển 18). Tháng 11 năm ấy, bọn Lê Quang-Định khởi hành. Đầu năm sau (Quý-hợi 1803), bọn Quính mới nghe đồn những tin ấy. Cho nên mới có tờ bẩm mới này. Bấy giờ coi chừng lòng Quính rất cảm-động xao-xuyến. Lời bẩm thống-thiết giản-dị hơn trước. it biện-luận trang sức tuy còn sợ vua Thanh nghi-kị sự xung-đột với chủ mới. Quả vậy, vua Thanh cũng không trả lời tờ bẩm liền, ý là đợi sứ đến đề dò ý-kiến chẳng. Trong lúc ấy thì bọn Quính rất nóng lòng chờ đợi tin-tức.

Trong tờ bẩm có nói đến con gái Chiêu-thống ở lại trong nước. Đúng sự thật chăng? Theo một tiêu tiết sau này, có thể là đúng.]

Ngày 25 tháng 7 (năm Quý-mão, 1803), nghe ngoài đờng sá đồn rằng An-nam nay đổi ra Việt-nam và cống-sứ nay mai chắc tới nơi. Quính và Bình-Đạo xin phép vắng mặt lên đờng cái đi đón sứ đề thăm tin nhà. Đi thẳng đến trạm *Trường-tân*. Nghe cống-sứ đã đến Nam-quan thuộc Trạc-châu. Quính lại nghe có con mình, là *Nguyễn Doãn-Trác* 阮允倬, được chọn làm hành-nhân trong bộ cống-sứ, đi đề tìm cha. Quính thuận theo đờng cái chạy tuốt đến *Trạc-châu* 涿州.

Ngày 26, quả thật thấy Doãn-Trác ở Nam-quan thuộc Trạc-châu (cửa Nam-thành?). Cha con mừng-rỡ, làm náo động người Trạc-châu. Quính cảm được lòng trời giúp rập, cho cha con được gặp nhau, ngẫu tác một bài thơ — có câu: « đầu nghe những bảo người dối ta; đến khi gặp kinh-ngạc hỏi; mây đó hay là ai? »

Ngày 27, viên tri-châu nghe chuyện, bèn sai bắt Quính giam lại rồi giải tống về (doanh Hỏa-khí).

Ngày mồng 2 tháng 8, tới bộ (Hinh) đề chịu thăm xét. Nửa tháng sau, được vua dụ rằng :

« Quính là một bầy-tôi bị giam, gốc ở nước ngoài. đã được thả ra ngoài và an trí ở doanh Hỏa-khí. Nay nó đi tìm đón gặp con. Ấy cũng là việc thường trong nhân-tình. Há lại nên bị tội. Huống chi nó đã xin nghỉ vắng mặt. Vậy không phải nó tự tiện làm. Ai ai cũng đều biết, thật không có gì là không hợp phép. Vậy lại bắt an-trí ở doanh Hỏa-khí ngoài.

« Còn người coi doanh là *Bảo-Thiện*, thì là viên chức tổng-quản mà đã nhẹ dạ cho phép nó cáo nghỉ. Qua nhiều lần tra hỏi, đều nhất thiết không nhận lỗi. Đến khi đưa đến Bộ xét thấy đích-thực. Vì không thể chối được nữa, mới chịu hết lỗi. Thế là giáo-trá. Vậy bắt đi hiệu-lực ở *Ô-lỗ-mộc-trai* để chuộc tội. »

Bọn Quỳnh hiểu rằng từ rày sẽ được mang ơn Trời rất nặng ; nổi mừng nổi sợ đồn-dập tới.

Phụ-chú : [Về đoạn Quỳnh được về nước, thám-hoa Phan Thúc-Trực (1808-1852) trong *Quốc-sử Di-biên* chép khá tường-tận, và hình như đã được đọc gia-phả của họ Quỳnh. Một điều lạ là trong bản in do ông Chen Ching Ho cho xuất-bản ở Hong-kong năm 1956, tên Quỳnh đều viết là Hữu 佑 và tên con đầu viết Trác 側. Có thể một người có nhiều tên, nhưng tôi không thấy lẽ gì đích-đáng khiến họ Phan không chép tên Quỳnh mà ai cũng biết. Sau này, khi dẫn lời *Quốc-sử Di-biên* (viết tắt là QSDB), tôi sẽ dùng những tên chính-thức : Quỳnh và Trác.

QSDB chép rằng : « Năm Nhâm-tuất, nghe Ngụy Tây đã mất nước, bọn Quỳnh mấy lần khẩn cầu xin đem xương chúa về táng. Không được trả lời. Đến khi sứ ta tới cầu phong, con Quỳnh là Trác xin làm hành-nhân để thăm tìm vua và cha. Vua Thế-tổ (: Gia long) vốn nghe tiếng Quỳnh, bèn cho là phải. Khi Trác đến Trạc-châu, thì gặp Quỳnh ra đó đề đợi sứ. Cha con thấy nhau rất mừng... » Phan Thúc-Trực cũng dẫn câu thơ của Quỳnh đã chép trên. Trong tập thơ Quỳnh còn giữ được trọn bài với đề là : *Mừng tìm thấy con ngâu thành*. Lại có dẫn, đại đề cũng như chính-văn trong bài kí. Ý thơ là : « Mười lăm năm tin nhận vắng. Không ngờ tới Trạc lại gặp con đại. Mới nghe những bảo người dối ta. Đến khi gặp kinh-ngạc hỏi mầy đó hay là ai ? Trong quán khách suốt đêm trò chuyện như trong mộng. Kể rõ gia-tình, nghe rồi như ngày. Đến sáng, chia tay nhau xăm-xăm đi. Cha con tình thâm không thể nín. »

QSDB chép nối, rằng : « Cha con cùng nhau về đến Yên-kinh. Theo sứ vào bái yết vua Thanh. Vua Thanh khen, bảo : *cha là trung-hân, con là hiếu-tử*. Ban cho rất hậu. » Đoạn này chắc chép không đúng sự thật, vì các việc xảy ra thì Quỳnh đã chép rõ rằng : cha con chia tay. Rồi Quỳnh bị bắt, giải về Kinh, bị thăm vấn ở bộ Hình. Vua Thanh bênh-vực tha tội. Còn như được ra mắt vua cùng con và được khen thưởng thì chắc người sau khuếch đại mà thôi, cũng như đối với nhiều việc khác, xảy ra ở phương xa hoặc đã từ lâu. Nếu có những việc li-thú ấy thì chắc Quỳnh không quên chép. Lời phê của vua Gia-khánh kể ra cũng khá li-thú. Chỉ tội nghiệp cho viên quân doanh vô tình mà bị tôi !]

Ngày mồng một tháng chín, ông già coi Hậu-quân thuộc hiệu cờ *Nhương-hoàng* tới hỏi rằng :

HOÀNG XUÂN HÃN

« Bây giờ có xin về nước nữa không ? »

Cuối ngày, quan tổng-quản doanh Hỏa-khí là Định thân-Vương tới doanh, lại bảo rằng :

« Trước đây, chúng anh có bằm xin đem hài-cốt chúa cũ về nước. Nay Quân-cơ xét xử, đã truyền rằng : « Hiện nay vương nước Việt-nam đã được sắc phong rồi. Chúng anh có xin về không. ». Cứ thật tình mà lên tiếng trả lời, chớ chầy ! »

Bọn Quính làm tờ bằm rằng ;

« Vì việc tình nguyện về nước.

« Trộm nghĩ rằng bọn Quính là bầy tôi có tội, người nước ngoài, đã đội ơn to, không bị khiển-trách nặng. Cỏ hèn chốn xa đều được gọi mưa xuân ; bèo giạt nước lạnh càng biết nắng chiếu ấm. Vốn đã chịu cảnh ngộ mà an phận. Còn mong mỗi ý được như nguyện.

« Nay, được chỉ truyền hỏi có xin về nước hay chẳng ; mới thấy ơn cao dày như trời đất của Đại Hoàng-đế ; chúng tôi cảm-kích không bờ bến.

« Bốn người bọn Quính chỉ tình-nguyện được đem hài-cốt chúa cũ về địa-phận nước chúng tôi an-táng để cho yên hồn bơ-vơ đất khách. Như thế may chi làm rớt chế-độ của Thiên-triều che võ, đối với trong và ngoài đều thi hành ân và uy. Mà bọn Quính được về vui về, thì chết hoặc sống đều cũng mang ơn không thể quên. »

Tháng 10, gặp ngày kị chúa cũ, Quính qua cúng vái ở mộ tại vườn, có cảm tác một bài thơ.

Phụ-chú : [*Hoàng Lê Nhất thống chí*, trong hồi cuối có chép rằng : « Mùa xuân năm ấy (1799), Thái-thượng-hoàng mất, (vua Gia khánh lập-tức sai bắt Hòa-Thần, cho tự tử và tịch thu gia sản. Sau khi đã giết Hoa Thần, vua cùng thị-thần nói chuyện đến việc vương cũ An-nam và lấy làm thương xót. Bèn triệu các bầy tôi nhà Lê cũ hiện ở xứ Lam-đỉnh (nguyên chép Lam-thuần, với chữ *thuần* là môi), gia ân cho hậu, cho phép tự tiện giữ đầu tóc, y-phục. Năm Qui-hợi (1803) là năm Gia-khánh thứ 8, tức Hoàng-triều Gia-long thứ 2, giặc Tày đã bình ; quốc-triều sai sứ đi Thanh dâng biểu bày tỏ tình-thế và cầu phong. Các bầy tôi cũ nhà Lê nghe tin, tức-thì làm tờ biểu bằm các thần xin đem quan tài vua cũ, và Thái-hậu về táng. Các-thần đề-đạt cho. »

Quốc sử Di biên chép một tiểu-tiết đáng chú-ý. Rằng : « Đến khi sứ bộ trở về, Quính dặn Trác làm biểu tâu vua Thế-tổ (Gia-long) xin cho bọn Quính về nước và cho đem vua Lê về táng ở nơi yên-ôn. Thế-tổ bằng lòng, Trác bèn gửi thư mách Quính. Quính dâng biểu xin vua Thanh ; vua Thanh cũng bằng lòng cho. »

Điều chép này không đúng, vì từ ngày Quính gặp con (27 tháng 7

đến ngày đưa tờ bẩm cuối cùng cho Định thân-vương (mùng 1 tháng 9), chỉ cách chừng một tháng ; vậy không thể có chuyện con Quỳnh về tâu xin cho cha được phép về và đem quan tài vua Lê về, rồi trả lời cho cha đề xin phép vua Thanh. Sự có lẽ xảy ra như sau. Từ trước đến-bấy giờ Quỳnh đã nhiều lần xin vua Thanh về và đưa hài-cốt vua Lê về, chứ không đợi xin phép vua Gia-long. Nhưng khi gặp con ở Trạc-châu, có thể rằng Quỳnh đã bảo nhờ sứ-thần gửi công-văn về xin phép vua nhà. Theo *Đại-nam Thập-lục*, ta biết rằng sứ-bộ ra đi vào cuối năm (tháng 11), cuối tháng 7 năm sau tới Yên-kinh. Có lẽ trong tháng 8 ra về. Tháng chạp năm ấy (1803) về đến nơi. Tháng giêng năm sau (Giáp-ti 1804), án-sát Quảng-tây sang làm lễ tuyên phong.]

Năm Giáp-ti (1804), Gia-long thứ 3, bọn Quỳnh được giữ toàn tóc mà về. Được đưa hài-cốt vua Lê cũ, Thái-hậu và Nguyên-tử về táng ở Thanh-hoa.

(Hết Bắc-hành Tùng-Kỷ)

Phụ-chú : [Ta phải lấy làm lạ rằng về đoạn can-trọng và vui mừng trong đời Quỳnh như đoạn này mà ki-tải chỉ bằng vắn vụn một câu đề chấm dứt tập « *Bắc hành Tùng-kỷ* ». Hoặc là tuy được về và được làm trọn nguyện vua Lê, nhưng thấy Gia-long không phục-hưng nhà Lê, Quỳnh bất-đắc-chi, cho nên không tiện và không muốn chép chi-tiết hoặc cảm-tưởng trong cuộc hồi hương. May nhờ các sách khác, ta còn biết những sự-kIỆN xảy ra trong giai-đoạn ấy một phần nào.

Số-phận bốn người ở doanh Hỏa-khí ngoài, ta đã rõ. Còn những vong-thần bị an-trị mọi nơi, thì sách *HLNTC* chép rằng : (Năm đầu Gia-khánh, Bình-thìn (1796), hết tang vua Lê, Thái-hậu nghĩ rằng các cô-thần ở đất khách khổ sở mà không biết ngày nào về nước được, dâng biểu xin cho các người tông-vong được phép cưới vợ . Vua Thanh bằng lòng, lại ban cho mỗi người tằm lạng bạc, ba mươi lăm quan đại-tiền (: gồm 100 đồng) để cung vào lễ cưới. Ban sắc bảo ai nấy ở yên chỗ mình và giữ chức-nghiệp mình làm.)

Theo sách *Nghê-an chí*, tác-giả là Bùi Dương-Lịch (đậu hoàng giáp khoa 1787) thì những người ở Kinh được cấp số tiền bạc kia. Sách ấy lại chép rằng : «Lê Hân, Lê Văn Trương (an-trị ở Phụng-thiên) đều được người Thanh thương-xót. Y-phục, ăn uống đều được cấp đầy đủ, không bị trời buộc. Hằng ngày nhân rồi chỉ đọc sách tiêu-khiển. Lê Hân biết nghề thuốc, trị bệnh nhiều hiệu-nghiệm. Người Bắc bị bệnh đều tới xin chữa. Lâu ngày được nhiều tiền. Ở Phụng-thiên có ông nhà giàu mướn tài Hân, đem con gái gả cho (theo lời khai của quan tỉnh Nghệ-an đời Tự-đức thì người kia là thái-thú, nghĩa là tri-phủ, họ Lưu). Khi Hân được vâng chỉ vua Thanh cho về, nhà ấy cho con gái cùng đi, vợ của hồi-môn kẻ hàng vạ. Lúc Hân về đến Thăng-long thì bị bệnh mất. Người

con gái ấy về huyện Nam-đường (ở Nghệ-an, quê của Hân) để ché. Vài năm sau thì bà cũng mất »

Sách NAC lại cho biết rõ rằng : « Ngày 13 tháng 2 (năm Giáp-tí 1804), vua Thanh hạ chỉ cho các người tòng-vong về và cho đưa quan-tài vua cũ về táng . . ». Bấy-giờ lời xin của bọn Quỳnh mới được chấp nhận. Sách *Đại-Thanh hội-diễn*, quyển 509, còn giữ được lời dụ ấy :

« Trước đây, theo lời Nguyễn Phúc-Ánh đã viết biểu đến gõ cửa quan đề xin phong, ta đã gia ân, phong cho làm *Việt-nam quốc vương* ; vả về ban xức Giao-nam để giữ chức phiên-thần. Nhân đó, ta nghĩ đến những người An-nam đã theo Lê Duy-Kì vào đầu và đã được biên đặt vào sổ *tá-lĩnh*. Tuy đã từng cấp cho tư-lương, để đoàn-tụ ở yên nhưng chúng đã lìa xa làng nước lâu năm, tình thật khá thương !

« Hãy gia-ân bằng lòng cho chúng về nước, để thỏa chí mong ước, và cho phép đem hài-cốt Lê Duy-Kì về táng ở đất thành cũ để dựng lăng chính đáng. Hãy bảo các đô-thống hiệu cờ xét, chiếu theo sổ sách khai các hộ An-nam, vâng chỉ cấp thưởng :

— một viên tá-lĩnh cấp 10 lạng bạc,

— một viên kiêu-kị cấp 5 lạng bạc,

— từ chức lĩnh-thôi sắp xuống, cả đàn ông, đàn bà, kể lớn thì cấp 5 lạng, kể bé thì cấp 3 lạng. Đều lấy bạc ở kho *Quảng-trử-ti* mà cấp phát. Bảo chia thành nhóm mà ra đi. Dọc đường, sẽ tư-cấp, đưa đến Quảng-tây, giao cho tuần-phủ *Bách-lĩnh*, khiến đưa ra khỏi cửa Quan, rồi báo cho quốc-vương nước ấy thu-lĩnh.

« Trừ những người an-thập ở Giang-ninh (thuộc-Giang-tô, có lẽ những người này đã tình-nguyện ở lại chăng?) mà đã có dụ bảo *Trần Đại-Văn tuấn* theo mà biện-lí, còn đối với những người ở Nhiệt-hà, Trương-gia-khâu, hãy bảo các đô-thống tra chiếu, đưa về Kinh, giao cho hiệu cờ (Nương-hoàng) để đưa đi về nước.

« Đến như những người An-nam trước đã từng phát vãng ở Phụng-thiên, Hắc-long-giang, Y-lê, cũng đều bảo các tướng-quân tra rõ, rồi tha về. Rồi đều thưởng cấp cho tiền bạc và đưa về Quảng-tây, bảo ra cửa Quan. Làm vậy để tỏ ý ta thương xót ngoài lệ thường »

HLNTC chép nhiều tiểu-tiết về vua Thanh ban cấp tiền bạc, có thêm rằng : « Tháng giêng (năm Giáp-tí 1804), mở quan-tài vua cũ, thấy thịt da đã tiêu tan, mà *cuống tim* không nát, sắc máu vẫn ửng-ửng đỏ tươi. Kể từ khi quan táng đến bấy giờ đã 12 năm. Những người trông thấy không ai không kinh-dị và than-thở. Lại mở quan-tài Quốc-mẫu, Nguyên-tử cùng Viêt-Triệu, Văn-Quyên, lấy dị-hài đem theo. »

Các bản dịch *HLNTC* từ trước đều chép *quả tim* Chiêu thống không nát. Vả bản in sách NAC chép đoạn này cũng gần y như

HLNTC và đã chép *Tâm quả* nghĩa là quả tim. Còn viết tay cũ HLNTC tôi dùng thì viết *Tâm miếu ở* hai chỗ. Lại vì li-do chữ Miếu có thể đổi ra chữ Quả vì kẻ đọc không hiểu mà đổi và vì tự-dạng một phần, còn sự đổi Quả ra Miếu thì không thể xây ra. Tôi đã đoán Tâm-miếu trở một huyết-quản tháp vào tim như cái mồm (có lẽ là artère aorte). Vì vậy tôi dịch ra *cuống tim*. Mà thoại ấy có lẽ gần sự thật hơn, nhưng mất một phần quái-dị ! Mong ai biết chắc nghĩa thành ngữ *Tâm miếu* cải chính cho.

NAC chép việc mở quan-tài Chiêu-thống vào ngày 25 tháng 2, khác với trên đây, và khác với sách *Quốc-sử di biên*. Sách này có cho biết một vài chi-tiết khác ; « Năm này, ngày 24 tháng 3, Quinh lấy áo mào, quan-tài, cải-thố (bốc mộ) cho vua Lê, Quốc-mẫu, Nguyên-tử, cùng các người tông-vong như Nhã-Hành, lớn nhỏ 18 cổ. Quinh có thơ khóc vua Lê, trong đó có câu « Mây che râu rồng không biết đầu mà tìm. Tuyết phủ bờm ngựa sắp đến lúc lên đường » Vua Thanh sai đánh dấu các quan-tài để ghi. Chia ra làm ba đợt để lên đường. Sai các châu huyện dọc đường hộ tống : đợt đầu gồm những người hầu và vợ con, đợt giữa là các di-hài, đợt cuối gồm các vong-thần còn sống ». Theo NAC, « ngày 26 tháng 2, các bầy tôi đem các quan tài ra về... » Nếu thời-điểm này đúng thì ngày mở quan-tài Chiêu-thống không thể ngày 25 tháng ấy (NAC) hoặc ngày 24 tháng sau (QSDB) ; thoại *tháng giêng* của HLNTC có lẽ đúng.

HLNTC cho biết thêm rằng quan-tài vua Lê về đến Nam-quan ngày 13 tháng 8 năm ấy (1804). NAC cũng chép vào tháng 8. Còn QSDB ghi nhiều chi-tiết, chép rằng :

« Tháng 7, về đến Nam-quan; vào trấn Lạng-son, bày bàn thờ quan-tài ở ngoài thành. Quan Hiệp-trấn Lê Duy-Đản, tiến-sĩ người xã Hương-la (bản in lầm ra Nguyễn Duy-Thần. Đây là Duy-Đản người đã từng cùng đi với Quinh theo Tôn Sĩ-Nghị đem quân vào Nam-quan năm 1789) và các cựu-thần cùng tù-trưởng đều đến khóc.

« Ngày 26, Quinh về Thăng-long trước, yết quận Thành (: quận-công Nguyễn Văn-Thành làm tổng-trấn Bắc-thành), quì lạy không lay, và nói rằng : « chưa được lạy Vương-thượng cho nên không dám lạy Tôn-công ». Rồi cắt mũ xin chịu tội. Thành xua tay, trở Quinh nói : « Mời ngồi ! ». Cho uống trà. Quinh cảm ơn, nói :

« Nước mắt, không hay mưa giữ được, tôi là tội-nhân đối với Tôn-ông, khiến tôi mồ-hôi chảy đầm áo. Chỉ vì di-hài của vua chưa được một tấc đất để giấu cho yên. Xin Tôn-công tán thành cho ».

« Thành nói :

« Sao lại lo ! Vương-thượng tròn ngóng ông về như khai-khảo. Từng nói hễ ông về đến nơi, thì nên sớm tới gặp ; ở lại chày ba bảy ngày. Sự đáng làm về vua cũ, thì tôi cam đoan sẽ làm thanh cho ông ».

« Quinh lưu lại ba ngày. Các quan văn vũ mới và cũ lần-lượt tới

tìm gặp. Rồi Quinh từ giả Thành, ra yết tán-li Thường (: Đặng Trần Thường). Từ xa trông thấy, Thường gọi Quinh là Khổng-minh. Quinh từ tạ. Thường lại chữa, gọi là Tử-phong. (: tức Trương Lương) Quinh nói :

« Tướng-công gặp gỡ minh-quân, làm được chí mình ; mới đáng với cái tên Tử-phong Quinh không thể bằng vậy »

« Rồi Quinh từ giả. Ngày mồng 6 tháng 8, Quinh từ Thăng-long tiện đường về quê-quán (: làng Đại-mão. huyện Siêu-loại, trấn Kinh-bắc), cùng với thân-cố uống rượu mừng vui, kể tình-trạng được ban ơn. Ngày mồng 7, yết nhà thờ họ, rồi làm lễ thành phục thim, tức là vợ Doãn-Thân (tiền-sĩ, cha Doãn-Trị cùng bị tù với Quinh ở Yên-kinh và cùng mới về).

« Ngày 17, Quinh trở lại Thăng-Long, bầm với quân Thành vin về Kinh dâng tấu lên vua Thế-tổ. Vua bằng lòng cho đem vua Lê về táng tại làng Bồ-vệ (thuộc huyện Đông-sơn trấn Thanh-hoa).»

Trên đây. tôi dịch nguyên-văn của Phan Thúc-Trực trong QS DB. Sự Quinh có vào kinh Phú-xuân để tâu xin vua Gia-long đưa di-hài Chiêu-thống về táng ở Thanh-hoa, thì trừ QSDB, không thấy đâu chép (có lẽ theo gia-phả họ Lê Quinh), kể cả Đại-nam Thập-lục. Nhưng có lẽ Quinh đi Kinh vào tháng 8, cho nên trong sách cuối này, có chép vào tháng 8 chuyện « quan-tài vua Lê. là Lê Duy Ki, được đưa từ nước Thanh về » (Bản dịch của Tổ phiên-dịch viện Sử-học ở Hà-nội, tập III, trang 209 và sau). ĐNTL chép :

« Quan Bắc-thành đem việc tâu lên. Vua hạ lệnh cho Lê Duy Hoán (con em ruột Chiêu-thống, Duy-Chi, đã được Gia-long rất hậu-dãi vào tháng 9 năm Nhâm-tuất 1802, và phong cho tước Diên-tự công, nghĩa là để nối đời thờ cúng các vua Lê ; nhưng sau bị Gia-long giết) đợi ở Nam-quan. Lại sai bày tời bàn việc ấy...Vua cho (lời bản) là phải, sai thành-thần trị quan-tài, cho 700 quan tiền, 500 phượng gạo, dùng binh thuyền hộ-tống về táng ở Thanh-hoa. Hài cốt bọn bày tời tòng-vong nhà Lê đều cho tiều gổ đưa về, cấp-tuất tiền vải cho gia-đình họ...»

Tuy triều mời không cản trở sự đưa di-hài vua Lê về, nhưng hình như những kẻ thừa-hành cũng không sốt-sắng lắm, hoặc còn dè-dặt vì lí-do chính-trị đang thời đang khá gay-gắt. Quan-tài phải đợi ở Lạng-sơn hơn một tháng mới được đưa về Thăng-long. QS BD chép rằng : « Ngày 24 tháng 9, quân Thành sai binh Bắc-thành đi cùng đình phu các huyện tới trấn Lạng-Sơn, rước tang vua Lê về Thăng-long. Đặt quan-tài tế ở nhà Diên-tự công. Các di-thần và trăm quan văn vũ đều mặc áo trắng tới diếu. Còn tang những người từ Đĩnh Nhũ-Hành trở xuống, thì cho thân-quyển tới nhận dấu ghi ở quan tài mà lĩnh về táng »

Về thời-điểm, HLNTC chép hơi khác ; rằng « Ngày 23 tháng 9' quan tài tới Thăng long. Dựng cung tế ở nhà Diên-tự công. Hoàng-phi mỗi ngày chỉ ăn vài lóng mĩa mà thôi »

Hoàng-phi nói đây là Nguyễn Thị-Kim, vợ Chiêu-thống và mẹ Nguyên-tử. Khi Chiêu-thống bỏ cung điện chạy lên Kinh-bắc, theo *HLNTC*, thì em thứ ba vua, là Lan quân-công Lê Duy-Chi đem bà chạy. Khi đến bờ sông Nhị-hà, cầu đã bị gãy. Liền theo bờ sông chạy lên phía tây, đi Tuyên-quang trú ẩn. Sau khi Duy-Chi bị bắt và bị giết, bà trở về Kinh-bắc trốn ở nhà dân. Tây-sơn tìm bắt nhưng không được Nguyễn Huy-Túc, cận-thần vua Chiêu-thống, trong *Bài hành về Ti-bà phu nhân tuần tiết* nói rõ rằng bà trốn ở làng Võng-la thuộc Sơn-tây. Theo lời quan tỉnh Bắc-ninh khai đời Tự-đức thì bà trốn ở quê ngoại. Có lẽ làng Võng-la chính là quê ngoại bà. Về sau có lẽ trốn ở chùa. Lời khai này lại nói rằng khi nghe quan tài vua Lê về đến Nam-quan, bà lên đó đón, đúng như lời chép trong *HLNTC*. Lời ấy rằng : « Ngày 13 tháng 8 mùa thu, quan-tài về đến cửa quan. Hoàng-phi nghe tin, liền từ Kinh-bắc lên cửa quan đón. Từ đó không ăn hạt cơm nào, chỉ mỗi ngày uống một chén nước cháo, nằm sấp bên quan-tài chầu-chực kêu khóc ». Trong *Bài Hành* của Nguyễn Huy-Túc có « Nghe tin lật dật đi thân nghinh. Từng nhịn đói, sức suy mặt gầy. Giăng giăng thuyền chèo qua sông Lô. Kiệu, tán, kèn, chuông rước vào nhà thờ. Sợ dân buồn rầu nhìn nghi-trượng đàn bày. Quan liêu gạt lệ dâng rượu viếng. Tình cảnh trong phòng khuê không tả hết. Sơ-sai đem lễ phục dâng nước và hương. Mở quan tài nhìn một lượt mũ áo. Nuốt lệ, ngưng mắt, lay bàn thờ. Quay mình vào trường lay Nữ-chùa (: Quan-tài Thái-hậu ? *QSDB* có dẫn đoạn này và chủ-thích rằng đó là bà chủ quán (?). Đây cũng có thể có chữ sai. Hoặc đó là Công chúa 公主 chứ không phải 女主, và Công chúa có lẽ là con gái riêng Chiêu-thống, mà Quỳnh đã đề cập trong một tờ bầm quan Thanh. Cam lòng uống thuốc độc đầy gan ruột...»

HLNLC kể chuyện bà Hoàng-phi tự-tử một cách tỉ-mỉ rằng : « Ngày 12 tháng 10, các quan thay quan-tài vua Lê, thấy cuống tìm vẫn như cũ. Làm lễ điện (: lễ cúng trước quan-tài) xong, bà Hoàng-phi tời trước hương-án khóc rất thống thiết, rồi bảo Diên-tự công rằng : « Ta nhẫn-nhục khổ-sở đến nay mười lăm, mười sáu năm, không phải không có ngày có thể chết được. Nhưng bấy giờ, Thái-hậu, vua ta, nguyên-tử không thông tin-tức, còn mất không hay. Ta còn đợi chút ít. Nay, Thái hậu và vua đều mất, mà Nguyên-tử cũng chết rồi ; linh-giá đã về nước rồi. Việc của ta như thế là xong. Ta nên chết theo để hầu-hạ sơn lăng Như thế là phải. Rồi lập-tức uống thuốc tự-tận. Nghe chuyện, ai mà không thương xót. » *HLNLC* lại thêm rằng Bắc-sứ ở đó cũng than khen không dứt. Bắc sứ đây chắc là quan Thanh hộ-tổng quan-tài vua Lê.

QSDB cho ta biết rằng Quỳnh đã liên-quan ít nhiều về sự Nguyễn Thị-Kim tự-tử. Sách ấy chép : « Hoàng-hậu người Ti-bà từ chùa Lã tới, cùng Quỳnh khóc ; rồi hỏi nên tính việc mình ra sao. Quỳnh nói : « Xứng dưới đất để gặp vua trước đó là thượng kế. Về ở lăng-tăm để giữ hương lửa, đó là kế thứ hai. » Hoàng-hậu bèn uống thuốc chết. Tuổi bốn chục, » Nguyễn Thị-Kim sinh năm 1765,

đúng như lời Nguyễn Huy Túc trong Bài hành.

Ngày 13, khâm liệm Hoàng-phi. Ngày 28 đưa các quan-tài xuống thuyền về Thanh-hoa. Ngày 24, táng cả bốn người, Chiêu-thống, mẹ, vợ và con cạnh lăng vua Hiền-tông ở Bàn-thạch. QSDB chép rằng táng ở Bỗ-vệ, chắc lầm, vì các sử đều chép lăng Hiền-tông ở Bàn-thạch, thuộc huyện Thụy-nguyên, phủ Thọ-xuân, cách Bỗ-vệ chừng 25 cây số.

Chắc Lê Quỳnh cũng vào Thanh-hoa dự lễ táng này. Sự lạ là nay tôi không thấy thơ hoặc văn điệu của Quỳnh vào đoạn này trong tập thi-văn của Quỳnh sao lại trong *Lê-triều tiết nghĩa lục*. May QSDB còn giữ được một vài bài : văn tế Chiêu-thống lúc an táng ; thơ khóc Hoàng-phi. Sách ấy lại chép rằng :

« Quỳnh từ Thanh-hoa về, lạy tạ quan Thành. Rồi từ về, nhìn đời trong ba ngày, trở về quê làm thầy tàng tại chùa Đại-đồng (cách Hà-nội ngày nay chừng 25 cây số gần đường Hải-phóng). Quỳnh có câu thơ « Phật tử cho làm đệ tử bước đầu. Nhà vua bằng lòng để làm tên dân cũ ở rồi ». Bấy giờ Quỳnh 55 tuổi. Quỳnh thường nói với bạn cũ là Nguyễn Huy-Phác rằng : « Quỳnh như con gái Lạc-song, đã không có cái đẹp về nhan-sắc, lại không cái tài về kỹ-nghệ. Có kẻ trượng-phu hào-phóng cưới. Thế là mười phần may-mắn. Nay gặp trượng-phu mất Chỉ nên ở quá cho trọn danh tiết của một liệt-phụ. Nếu không thì sẽ thành loài vật gì ». Phác coi Quỳnh là có tài vi-dụ »

Tháng 11, Quỳnh về làng, yết nhà thờ, nay còn bài Văn tế Từ-đường chép phụ vào Bắc hành-tùng kí. Lời rằng :

« Một chút kiên tổ lòng ;— Mười phần muỗi đội núi. Súng nổ grom phang rạt rạt, đối nước chẳng giúp gi—Gốc cây nguồn nước xa xa có nhà mà không đoái. Theo rờng mà chẳng vịn râu rờng—Tựa hồ hóa ra theo đuôi hồ. Ngoài Đồng-trụ, chịu đầu đất khách, nghìn muôn dặm tuyết sương—Trong ngực tù, khổ chịu trời chung bảy mươi ki mây khói. Đầu bù rối riêng đội quân. thân — Lòng hoang-mang thẹn cùng kim, cồ. Ba mươi kỉ, Tống-triều sụp đổ, tiếng quyên kêu, giận chẳng bằng Văn (: Văn Thiên Tường) — Mười chín năm, cờ Han pha sương, sữa dê hện, hãn còn thua Vũ (: Tô Vũ) Nhờ oai thần quét sạch Tây-sơn—Cây phúc tử được về Nam-thổ. Một đồng tiền chẳng đáng, thẹn mặt nào thấy lại cha anh — Ba lối cúc bở hoang, nghèo khó xác khôn bề cùng tử Qua loa bày lễ bạc kính dâng — Phẳng-phất ngó bàn thờ như thấy. »

Trong bốn người cùng bị giam cầm ở Yên-kinh thì hai anh em thúc-bá Lê Quỳnh và Lê Doãn-Trị lui về làng, còn Trịnh Hiến và Lí Bình-Đạo thì đến tháng hai năm sau (Ất-sửu 1805) được triệu vào Phú-xuân cùng hai người vong-thần khác : Lê Duy-An và Nguyễn Hữu-Cung. Vua Gia-long « Khen là triết-nghĩa, vào và yết-kiến, cho ngồi, yên-úí hỏi-han giờ lâu, cấp cho quần áo tiền gạo. Sai doanh-thần Quảng-đức hậu-đãi. Sau bỏ Hiến và Bình-Đạo làm thị-trung học-sĩ : Hữu-Cung làm cai-cơ » (*Đại-nam thật-lục*). Theo lời khai của các quan tỉnh đời Tự-đức thì Hiến làm đến

chức tham-tri tào Binh ở Bắc-thành rồi mất, còn Binh-Đạo ra làm hiệp-trấn rồi mất.

Còn Quỳnh, thì theo *QSDB* và bia ở nhà thờ đều nói về ở chùa Đại-đồng. Trong tập thơ còn thấy có bốn bài có lẽ làm vào khoảng cuối năm Giáp-ti hoặc đầu năm sau : một bài đề *Họa thơ Vũ Kiêm-son* (chú thích tức là Vũ Thân) một bài đề *Gửi cho bạn trúng-thức họ Trần người Từ-ó* ; một bài *Ngẫu-cảm* và bài thứ tư đề *Hóng mát ở chùa*, chùa nói đây tên là chùa *Vạn thọ*, chỗ Quỳnh đi chơi, chứ không thấy ý gì trong các thơ là Quỳnh đã qui-y thật.

Mà theo ý tôi, chưa chắc Quỳnh, đề theo đức Phật đã chịu cắt tóc mà đã cố giữ trong mười lăm năm. Và tính Quỳnh rất cứng rắn, ham tranh đấu như ta đã thấy và sẽ thấy thêm sau. Có lẽ Quỳnh chỉ ở chùa ít tháng rồi lại về nhà. Về cuối đời Quỳnh, *QSDB* còn cho ta biết những chi-tiết chính-xác và đáng được chú ý.

Trước hết về tính-tình, Phan Thúc-Trực nói : « Nhưng tính Quỳnh nhỏ-nhen. Ai có lỗi gì nhỏ, cũng xoi-mói ra, chứ không ngờ. Chúng bạn không phục. Và chẳng Quỳnh dụng tâm làm tiền. Năm xưa, khi ở đất Bắc, ruộng ao mình, các con đều đem bán. Quỳnh đòi lại hết thấy. Lại còn đòi nợ người ta, giá họa cho kẻ lương thiện. Vì thế cho nên bị mang oán. Người đời gọi Quỳnh là người « tam tiết », nghĩa là người có ba cái cắt đứt ». Lời chê Quỳnh nhỏ-nhặt tham-lam có lẽ là quá đáng. Ta có thể nghĩ rằng Quỳnh không có tính dễ-dãi xuềnh-xoàng. Trái lại tính cương-trực, bất-khuất trước những chuyện phi lí, phi nghĩa ; cho nên đòi hỏi rất nhiều đối với mọi người cũng như đối với mình. Có lẽ trong khi Quỳnh bốn ba, thì có người ở yên làm giàu đã lợi-dụng tình-thế quẩn bách của gia-đình Quỳnh mà mua rẻ ao vườn của y, cho nên khi về, Quỳnh mới đòi lại gặt-gao như vậy.

Cho đến cái chết bất ngờ của Quỳnh cũng chứng tỏ cái tính *hiếu-sự*, can-đảm của Quỳnh. Phan Thúc-Trực, trong *QSDB* chép rõ ràng chuyện ấy. Lời rằng :

« Tháng 9, ngày mồng 1 (năm Ất-sửu 1805), kẻ trộm giết Lê Doãn-Hữu và cả con là Thốt 倬.

Ta đã biết rằng Doãn-Hữu đây là một tên khác của Quỳnh, còn Thốt thì không biết có phải Thuyên chăng ? *QSDB* chép tiếp :

« Làng Bình-ngô 平吳 có tướng trộm tên Bi 悲, tự xưng là Bắc-sử-súy, thỉnh-thoảng thỉnh-lình ần hiện cướp bóc. Phải lúc Bi đốt phá làng Ngâm-diền 吟田, cướp nhiều súc-vật và của-cải. Quỳnh đem người nhà chặn đường đánh cướp lại Bi rất cảm ứơc. Đêm hôm ấy, đem nhiều quân đến đốt phá nhà Quỳnh, đâm Quỳnh vài mươi lát. Quan phủ là Ngụ 魯 Đĩnh-Tôn lập án sống. Sau mười lăm ngày thì Quỳnh mất. Lại lập án chết.

« Con Quỳnh là Trạc (chép Trắc như trên đã nói) và Thốt vì cha mà báo thù ; đi về thường cầm binh-khí tùy thân. Bi lại đặt người nấp,

dám Thốt chết ngoài đồng.

« Quận Thành sai quan đếu tặng, và vàng mệnh ban tiền gạo để làm lễ táng. Nguyễn Đăng-Sở làm văn tế rằng :

«Chôn rấn, lấp hươu—Ngựa sừng, trâu bé. 蕉鹿鑿蛇童牛角馬. Nghìn vạn dặm sóng to được thoát, thoát v^h đến bến, giữ thuyền không. — Mười sáu năm sương tuyết chẳng sờn, rét chữa đến kì, khó gốc bá.

Chỉ còn nghĩa liệt để nhân-gian — Xứng gặp vua cha nơi địa-hạ.

Hình về dưới mộ, thấy hương bay phảng-phất tinh-thần—Thần trở lại nhà, nghe văn khấn thô-sơ cũng thỏa.»

QSDB còn chép thêm hai đôi câu đối phúng, có lẽ cũng của Nguyễn Đăng-Sở.

Đăng-Sở người làng Hương-triền, huyện Gia-định, xứ Kinh-bắc, sinh năm 1754, đậu Hoàng-giáp khoa cuối đời Lê (Chiêu-thống năm đầu 1787), và làm phó-sứ trọng sứ bộ cuối cùng đi Thanh của Tây-sơn (1802 Đại nam thực lục), cũng là tác-giả bài mộ-bi ghi lịch-sử của hai anh em thúc bá họ Nguyễn, Quỳnh và Trị, cùng giữ khố-tiết trong mười sáu năm ở Yên-kinh, trước khi cùng được về làng. Để chấm dứt chuyện Bắc h^{nh} này, tôi sẽ dịch nguyên-văn bài văn bia ấy mà nay còn thấy chép trong sách Lê triều tiết nghĩa lục, theo bản chép tay chắc còn mang một số sai sót. Văn rằng :

« CỐ LÊ TRIỀU TÙNG-THẦN MỘ BI »

« Hầu họ Lê, người huyện Siêu-loại, xã Đại-mã ; là con trưởng quan hình-bộ là thị-lang, tiến-sĩ khoa Cảnh-hưng Qui-hoi (1743, khi đậu 29 tuổi), trước Đại-nham hầu (lên là Lê Doãn-Giản). Tên hầu là Quỳnh.

« Đường đệ hầu, Lê Trị là con trai thứ năm quan Lạng-sơn đồng-trấn, tiến-sĩ khoa Cảnh hưng Mậu thìn (1748, khi đậu cũng 29 tuổi), trước Tú-xuyên hầu (lên là Lê Doãn Thôn, em ruột Doãn-Giản).

« Vì giữ chức thị-vệ có công. Hầu được phong trước Trường phái hầu (bản sao vết Trường hà, chữ Hà là sông viết tháo gần giếng chữ Phái-Hoặc chẳng thối Trường hà là phải ? Phải có bản dập bìn mới chắc). Lê Trị có công chạy theo vua (lần đầu), được ban trước Siêu loại hầu.

« Năm đầu Chiêu-thống (1787), ngày sóc tháng chạp, Tây-sơn đem quân xâm phạm thành Thăng-long. Vua ngự-giá lên bắc trốn ở Lạng-giang Hầu đem người nhà hộ-vệ, đi từ xứ Bắc đến xứ Đông.

« Năm thứ hai là năm Mậu-thân (1788), tháng hai. Hầu vâng mệnh đi theo tìm Thái-hậu và Nguyên-lữ ở Cao-bằng. Bị quân Tây-sơn đuổi bức, bèn vâng lệnh đầu vào Nội-địa tại phủ Nam-ninh. Việc tàu lên Hoàng-đế nước Đại-Thanh sai Hầu đi đường Quảng-đông về thám-thính tình trong nước Khi Hầu trở lại, Hoàng đế bèn sai đồng-đốc Lưỡng Quảng, Tôn Sĩ Nghị cầm quân đi cứu viện.

« Tháng mười một, đánh được lấy lại Kinh thành. Vua cưỡi xe về chính vị. Bấy giờ, cửa thiếu, binh ít. Hầu được giữ chức bình-chương sự, coi tất cả các việc binh và lương. Hầu Siêu-lĩnh thì đi sứ đón Thái-hậu và Nguyên tử từ Nam-ninh về.

« Năm thứ ba là năm Kỉ-dậu (1789, tháng giêng, quân Tôy-son ngấm đến. Binh của lỏng-đốc Tôn vũ tan, lỏng-đốc lui chạy về Bắc. Vua cũng ngự-giá sang Bắc. Khi gần đến Yên-kinh thì có lệnh bắt tất cả phải cắt tóc và chịu phong chức, không có ý trở lại cứu viện lần thứ hai.

« Hầu ở trong nước, mộ lính trữ lương; dự-bị sắp đặt trước, hằng ngày ngóng viện binh trở lại. Hết hè qua đông, cuối cùng không nghe tầm-tích. Bèn cùng em là Lê Trị, với các bọn đồng-chỉ Trịnh Hến, Lí Bình-Đạo đi cửa quan mưu đồ khôi phục. Khi tới nơi thì đến cùng không cho gặp mặt vua, ép phải cắt tóc cải trang. Các người không chịu. Bị giam cầm tại ngục. Trong suốt mười ba năm, lấy oai hiếp, lấy lợi dỗ, cuối cùng không thắng nổi. Hầu thường co thơ rằng :

Thân khốn thập niên hoài tở tiết
Mệnh tùy nhất phát biểu đan tâm
(Thân khổ mười năm ôm tiết trắng
Mệnh tùy một tóc tỏ lòng son)

Khi-tiết hiện ra trên thi văn không phải chỉ một chỗ. Khi vua Lê cũ còn sống, đã sai ghi những lời ấy, để là Tư công thi tập (tập thơ của bốn ông). Bắc-triều khen là Lê gia tứ nghĩa sĩ (bốn nghĩa-sĩ nhà Lê).

« Đến năm đầu Gia-long, là năm Nhâm-tuất (1802), giặc Tây-son đã dẹp yên, con đầu Hầu, là Doãn-Trác vâng mệnh theo sứ bộ sang thăm tin tức. Năm thứ ba là năm Giáp-tí (1804), Bắc triều tư giao trả về nước. Bèn được giữ nguyên tóc mà về. Lại xin phép rước quan-tài vua Lê cũ và hài-cốt Thái-hậu Nguyên-tử trở về táng ở Thanh-hoa. Lễ xong, lập tức tới chùa xã Đại-dồng trong huyện nhà mà ở. Thơ Hầu có câu :

Phật tở di lại huấn tử đệ (1)
Hoàng thiên hứa tác cụ nhân dân
(Phật tở dành lại dạy tử đệ
Hoàng thiên cho làm nhân-dân xưa)

« Tráng thay ! suốt khoảng mười bảy năm, thầy chung không đổi. Có bốn bảy tôi nhà Lê trung-ngĩa, mà anh em hầu chiếm hai ngôi. Thật là người xưa gọi là hiếm thấy vậy. Ông đọc sách thánh hiền, hành đạo thánh hiền, như Hầu đáng gọi là người như vậy. Hoàng-đế triều ta khen là có chí tiết; nhiều năm ban ơn, nuôi cấp tuổi già, Hầu được toại nguyện.

(1) QSDB đổi di 遺 và huấn 訓 ra dung 容 và sơ 初.

« Năm Ất-sửu (1805), ngày mười sáu tháng chín, hầu mất. Hầu Siêu-lĩnh theo lời di-chức, đi vào Kinh yết kiến Hoàng-đế, rồi lại xin về quê-quản an-duỡng. Trong nhiều ngày, từng cùng người thân bạn cũ vui về. Hầu Siêu-lĩnh thường dán bốn chữ Tạ Thiên thanh phúc 謝天清福 (cảm ơn trời cho cái phúc trong-trẻ) để tỏ chí mình. Năm Gia-long thứ mười là năm Tân-vị (1811), ng y mừng tám tháng ba, hầu mất tại nhà.

« Ôi! Hai hầu đồng-dôi nhà xưa, di-thần nước lớn. Trong tiễn thoái, trung hiếu thì không quản. Tinh kiển-trì là như thế. Ý chừng, đã có Trường-phái hầu làm anh, thì biết chí của Siêu-lĩnh hầu. Đã có Siêu-lĩnh hầu làm em, càng làm tỏ lòng trung của Trường-phái hầu. Hai anh em một cửa, trùng nghĩa gồm no, đủ làm sáng sử xưa, rết đời sau, rạng rạng rực rục. Trông các quân-tử trước thật không thẹn.

« Bên ghi chuyện để lại lâu đời trên đá.

« Năm Gia-long thứ mười hai, là năm Quý-dậu (1813) tháng sáu ngày lành.

« Chính tiến sĩ (Hoàng-giáp) khoa Lê Chiêu-thống Đinh-vị (1787) Nguyễn Kiên-phủ (Đặng-S) soạn »

Đối với những nhân thần trung nghĩa với nhà Lê, Gia-long trong khoảng đầu đời-khả hậu, vì bấy giờ đang dùng chính-sách thu phục nhân-tâm miền Bắc. Nhưng nhân-dân vẫn nhớ nhà Lê, và cũng có kẻ muốn mưu-đổ chống họ Nguyễn mới, cho nên lợi dụng danh Lê Duy-Hoán, khiến Hoán và gia-đình bị giết vào tháng 11 năm Bình-thân (1816). Vì vậy dần dần những kẻ vong-thần triều Lê cũng không ai dám nhắc tới.

Phải đợi đến năm Tự-đức thứ 10 (1857), viện Đô sát mới tâu xin biểu-dương các bầy tột tuần tiết triều Lê-mạt. Vua bằng lòng nhưng dặn phải tra cứu cho cẩn-thận và chỉ biểu-dương tên những người có hành-động đặc-biệt mà thôi (lời dụ ngày 27 tháng 4) Vua lại bảo đình-thần bàn cách biểu-dương ấy. Đồng thời, vua được đọc một vài câu thơ của Lê Quỳnh và các trung-thần khác. Vua Tự-Đức vốn thích văn thơ lại hay vịnh sử, cho nên sai bộ Lễ sưu-tầm các thi văn của các nghĩa-sĩ.

Đình-thần xin ghi tên 5 người gồm những tông-vong đã không chịu khuất-phục vua Thanh và những người đã chống lại Tây-sơn bằng tinh-thần, như Trần Danh-An hoặc bằng vũ-lực như Nguyễn Đình-Viện. Trong đó lại có hai đàn bà: Lê Thị-Kim là hoàng-phi Chiêu-thống và Phan Thị-Thuần là vợ Ngô Cảnh-Hoàn đã tự trầm chết theo chồng khi chống quân Nguyễn Huệ ở bến đò Thúy-ái. Hai bà này đã có đền riêng và đã được phong thụy. Vậy vua sai lập đền ở Hà nội đề thờ 23 vị và đặt Lê Quỳnh đứng đầu với tên thụy đặc-biệt là *Tru-g-nghị*. Lê Doãn-Trị cũng được thờ trong đền này, còn hai bạn đồng ngục kia, Lê Hiến và Li Bình-Đạo thì đã nhận làm quan triều Nguyễn nên không được vinh-dự ấy.